



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu Khí

2017



www.psi.vn

MỤC LỤC

Trang

THÔNG TIN CHUNG

<i>Thông tin khái quát</i>	03
<i>Ngành nghề và địa bàn kinh doanh</i>	07
<i>Định hướng phát triển</i>	14
<i>Các rủi ro</i>	17

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

<i>Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh</i>	23
<i>Tổ chức và Nhân sự</i>	25
<i>Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án</i>	27
<i>Tình hình tài chính</i>	28
<i>Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu</i>	29

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

<i>Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh</i>	31
<i>Tình hình tài chính</i>	32
<i>Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý</i>	33
<i>Kế hoạch phát triển trong tương lai</i>	35
<i>Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán</i>	38

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY

<i>Đánh giá của Hội đồng Quản trị về các mặt hoạt động của Công ty</i>	39
<i>Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty</i>	40
<i>Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng Quản trị</i>	41

QUẢN TRỊ CÔNG TY

<i>Hội đồng Quản trị</i>	42
<i>Ban Kiểm soát</i>	44
<i>Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát</i>	47

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

THÔNG TIN CHUNG

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

- Tên giao dịch: **Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 26/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 19/12/2006
- Vốn điều lệ: **598.413.000.000** đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: **598.413.000.000** đồng
- Địa chỉ: Tầng 2 Tòa nhà 18 Lý Thường Kiệt, Hà Nội
- Số điện thoại: 024 3934 3888
- Số fax: 024 3934 3999
- Website: www.psi.vn
- Mã cổ phiếu: **PSI**

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Thành lập

Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí là công ty chứng khoán duy nhất thuộc Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam – Tập đoàn kinh tế lớn nhất Việt Nam. Nằm trong Đề án hình thành Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí (PSI) được thành lập và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy phép hoạt động số 26/UBCK- GPHĐCK vào ngày 19/12/2006 với các ngành nghề kinh doanh: Môi giới chứng khoán, Tư vấn tài chính & Đầu tư chứng khoán, Tự doanh chứng khoán, Lưu ký chứng khoán, Bảo lãnh phát hành chứng khoán.

Quá trình phát triển

Công ty chính thức đi vào hoạt động vào ngày 07/02/2007 với Hội sở chính tại Hà Nội và 01 chi nhánh tại TP Hồ Chí Minh, số vốn điều lệ là 150 tỷ đồng. Từ một công ty chứng khoán non trẻ, bất chấp những khó khăn của thị trường, thăng trầm của nền kinh tế Việt Nam thời gian qua. PSI đã không ngừng thay đổi và phát triển.

Hiện nay, Công ty đã xác lập được vị thế vững chắc trên thị trường và tạo ra sự khác biệt lớn so với các công ty chứng khoán khác, thông qua:

- Sự vượt trội về trình độ chuyên môn, chất lượng tư vấn, dịch vụ với đội ngũ chuyên gia hàng đầu.
- Là đầu mối triển khai các thương vụ lớn với các đơn vị trong ngành Dầu khí, gây tiếng vang cả ở trong và ngoài nước, xứng đáng thương hiệu ngành Dầu khí.
- Là đối tác hàng đầu Việt Nam của các định chế tài chính lớn thế giới trong các thương vụ về đầu tư, tư vấn tài chính... tại Việt Nam.

Các mốc thời gian đánh dấu quá trình phát triển của PSI

2006	Chính thức được cấp phép hoạt động
2007	Chính thức đi vào hoạt động và ra đời chi nhánh TP Hồ Chí Minh
2009	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Thành lập hai chi nhánh mới Tại Vũng Tàu và Đà Nẵng ▪ Công bố thương hiệu mới PSI ▪ Áp dụng hệ thống giao dịch trực tuyến hiện đại của TongYang – Hàn Quốc.
2010	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Tăng Vốn Điều lệ của Công ty từ 150 tỷ đồng lên 485 tỷ đồng vào tháng 6/2010, và lên 509,25 tỷ vào tháng 10/2010. ▪ Niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội vào tháng 7/2010 ▪ Thuộc nhóm 5 công ty chứng khoán có doanh thu dịch vụ tư vấn lớn nhất thị trường năm 2010, nhóm 10 các công ty chứng khoán có lợi nhuận cao nhất thị trường năm 2010. ▪ Đạt giải thưởng thương hiệu nổi tiếng Quốc gia năm 2010 và danh hiệu Doanh nhân xuất sắc Đất Việt năm 2010 dành cho 02 cá nhân: Ông Bùi Ngọc Thắng – Chủ tịch HĐQT và Ông Phạm Quang Huy – Giám đốc
2011	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Tăng vốn điều lệ lên 598,413 tỷ đồng thông qua việc chào bán thành công 14,9% cổ phần cho công ty SMBC Nikko (Nhật Bản) ▪ Đạt giải bình chọn Công ty tư vấn M&A tiêu biểu và giải Công ty có Thương vụ phát hành riêng lẻ tiêu biểu (với đối tác Nhật Bản) tại Diễn đàn Mua bán - Sáp nhập doanh nghiệp 2011. ▪ Đạt giải thưởng bình chọn “Báo cáo thường niên tốt nhất 2010”. ▪ Nhận giải thưởng “Thương hiệu nổi tiếng nhất ngành chứng khoán tại Việt Nam năm 2010 do người tiêu dùng bình chọn” do VCCI tổ chức. ▪ Phối hợp với Đại học NewYork – Hoa Kỳ và đơn vị bảo trợ truyền thông là Báo

Đầu tư Chứng khoán tổ chức thành công hội thảo “Chiến lược toàn cầu của các doanh nghiệp Việt Nam trong bối cảnh kinh tế hiện nay”.

- 2013**
- Nhận giải thưởng Công ty Tư vấn M&A tiêu biểu giai đoạn 2009 – 2013 do Diễn đàn M&A 2013 trao tặng.
- 2014**
- Trở thành thành viên chính thức tham gia đấu thầu trái phiếu chính phủ năm 2014
 - Doanh thu từ hoạt động môi giới trái phiếu trong Top 10 của thị trường.
 - Là đơn vị tư vấn tái cấu trúc cho toàn bộ Tập Đoàn Dầu khí Việt Nam và các công ty thành viên
 - Đơn vị thực hiện thành công dự án tư vấn cổ phần hóa và IPO cho Công ty Phân bón Dầu khí Cà Mau (Đạm Cà Mau) – với tỷ lệ chào bán thành công cao.
- 2015**
- Top 5 Công ty chứng khoán thành viên tiêu biểu trong Nghiệp vụ Tư vấn Niêm yết và Đấu giá tại Sở GDCK Hồ Chí Minh;
 - Top 10 CTCK có doanh thu hoạt động Tư vấn cao nhất thị trường
 - Tiếp tục là đơn vị tư vấn tái cấu trúc thành công cho Tập Đoàn Dầu Khí Việt Nam và các đơn vị thành viên trong Tập Đoàn.
 - Đứng đầu thị trường về doanh thu Lưu ký
 - Tổ chức thành công “Hội thảo Nhà đầu tư cho ngành dầu khí” vào tháng 4/2015, với sự tham gia của trên 100 nhà đầu tư tổ chức và các đơn vị thành viên của PVN đã niêm yết trên thị trường
 - Tư vấn thành công IPO gắn liền niêm yết cho Công ty Phân bón Dầu khí Cà Mau (mô hình đầu tiên được áp dụng tại thị trường chứng khoán Việt Nam)
 - Tư vấn thành công sellside tìm đối tác chiến lược nước ngoài cho Tổng Công ty Bảo hiểm Ngân hàng TM CP Đầu tư Phát triển Việt Nam (BIC)
 - Tư vấn thành công buy-side cho Nippon Paper mua một công ty giấy tại Việt Nam.
- 2016**
- Giải thưởng Thương hiệu tiên phong Hội nhập kinh tế quốc tế do Hội các DN vừa và nhỏ trao tặng
 - Lọt Top 50 Báo cáo thường niên của năm
 - Tổ chức thành công Tour Doanh nghiệp PVN Index – cầu nối giữa các Nhà đầu tư hàng đầu và các DN trong bộ chỉ số
 - Tư vấn thành công đấu giá CP PV Building
 - Tiếp tục là đơn vị tư vấn tái cấu trúc cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và các đơn vị thành viên trong Tập đoàn

- Kỷ niệm 10 năm thành lập Công ty
- Tháng 12/2016, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Chúng PVcomBank hoàn tất mua vào hơn 20,4 triệu cổ phiếu PSI, nâng lượng sở hữu giao dịch tương ứng 51,17% vốn điều lệ của PSI.

2017

- Ngày 27/3, Chi nhánh Hồ Chí Minh PSI chính thức chuyển địa điểm hoạt động sang địa chỉ mới tại 43 Mạc Đĩnh Chi, Quận 1, Hồ Chí Minh
- Chính thức ra mắt Trung tâm phân tích vào tháng 5/2017
- Tổ chức thành công một loạt các hội thảo cho các Doanh nghiệp trong và ngoài ngành Dầu khí như: “Hội thảo giới thiệu cơ hội đầu tư vào Tổng Công ty Điện lực TKV – Tập đoàn Than Khoáng sản Việt Nam”, “Hội thảo gặp gỡ Nhà đầu tư của NT2”, “Hội thảo giới thiệu cơ hội đầu tư vào cổ phiếu BSR”
- Tổ chức thành công chương trình Hành trình năng lượng – nằm trong hoạt động Bộ chỉ số PVN Index
- Tư vấn thành công IPO cho Công ty TNHH Một thành viên Lọc Hóa Dầu Bình Sơn (liên danh với BSC)
- Tư vấn thành công phương án cổ phần hóa cho Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam

Giải thưởng và Thương vụ tiêu biểu**Giải thưởng:**

- Giải thưởng ***Thương hiệu nổi tiếng Quốc gia*** năm 2010 và danh hiệu ***Doanh nhân xuất sắc Đất Việt*** năm 2010
- Nhận giải thưởng ***Thương hiệu nổi tiếng nhất ngành chứng khoán tại Việt Nam*** năm 2010 do người tiêu dùng bình chọn do VCCI tổ chức
- Giải thưởng bình chọn ***Báo cáo thường niên tốt nhất 2010***
- Giải bình chọn ***Công ty có Thương vụ phát hành riêng lẻ tiêu biểu*** (với đối tác Nhật Bản) tại diễn đàn M&A 2011. Diễn đàn M&A Việt Nam 2011 do Báo Đầu tư phối hợp với Công ty AVM Vietnam tổ chức dưới sự bảo trợ của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.
- Giải thưởng ***Công ty Tư vấn M&A tiêu biểu giai đoạn 2009 – 2013*** do Diễn đàn M&A 2013 trao tặng
- ***Top 5 công ty chứng khoán tiêu biểu trong nghiệp vụ Tư vấn niêm yết và đầu giá*** năm 2015 do HOSE bình chọn
- Giải thưởng ***Top 50 Báo cáo thường niên tốt nhất năm 2015***

Các thương vụ tiêu biểu:**+ Tư vấn tái cấu trúc:**

- Lập đề án tái cấu trúc, thoái vốn cho **PetroVietnam**
- Lập đề án triển khai sản xuất hệ thống xăng dầu cho **PVOil**
- Lập đề án tái cấu trúc tài chính các đơn vị cho **PVC**

+ Tư vấn M&A:

- Bán cổ phần cho Cổ đông chiến lược **PVI** giá trị **35 triệu USD**
- Tư vấn sáp nhập cho **PVOil Mekong** giá trị **20 triệu USD**

+ Tư vấn quản trị doanh nghiệp:

- Tư vấn công ty con thay đổi mô hình hoạt động cho công ty thành viên của **DPM**
- Tư vấn công ty con đổi mô hình hoạt động cho công ty thành viên **PVOil**

+ Tư vấn cổ phần hóa:

- Tư vấn IPO, cổ phần hóa, niêm yết cho **Đạm Cà Mau**, giá trị IPO đạt **50 triệu USD**
- Tư vấn Cổ phần hóa Công ty kinh doanh xăng dầu nhà nước, giá trị vốn hóa gần **100 triệu USD**
- Tư vấn IPO cho Công ty TNHH Một thành viên Lọc hóa dầu Bình Sơn
- Tư vấn phương án cổ phần hóa cho Tổng Công ty Điện lực Dầu khí

+ Tư vấn phát hành:

- Tư vấn phát hành cho **DMC**, giá trị ~**15 triệu USD**
- Tư vấn bảo lãnh phát hành CP cho **Petrosetco**, giá trị ~ **10 triệu USD**
- Tư vấn phát hành cho **PVN**

+ Tư vấn tìm kiếm cổ đông chiến lược cho TCT Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam, giá trị 1.080 tỷ đồng**NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí (PSI) là tổ chức tài chính hàng đầu, uy tín tại thị trường Việt Nam, và là công ty được niêm yết tại Sở giao dịch TP.Hà Nội (HNX). Với những định hướng đầu tư mang tính chiến lược rõ ràng và dài hạn, PSI đã đạt được nhiều thành tích nổi bật trong suốt quá trình hoạt động. PSI cung cấp đa dạng các sản phẩm dịch vụ tài chính theo tiêu chuẩn quốc tế bao gồm: Dịch vụ chứng khoán, Dịch vụ Ngân hàng đầu tư và Phân tích phát triển chi số:

Ngành nghề kinh doanh	Địa bàn kinh doanh
<ul style="list-style-type: none"> ○ Môi giới chứng khoán; ○ Tự doanh chứng khoán; ○ Tư vấn đầu tư, tư vấn tài chính; ○ Lưu ký chứng khoán; ○ Bảo lãnh phát hành chứng khoán. 	<ul style="list-style-type: none"> ○ Thành phố Hà Nội ○ Thành phố Hồ Chí Minh ○ Thành phố Vũng Tàu ○ Thành phố Đà Nẵng

1. Dịch vụ chứng khoán

Với hệ thống công nghệ hiện đại, tính bảo mật cao và chuyên nghiệp, hiện tại khách hàng có thể sử dụng một cách an toàn và hiệu quả các dịch vụ chứng khoán của PSI gồm:

- [Mở tài khoản giao dịch](#)
- [Giao dịch chứng khoán niêm yết](#)
- [Dịch vụ hỗ trợ giao dịch chứng khoán](#)
- [Dịch vụ Tư vấn đầu tư](#)
- [Dịch vụ hỗ trợ tài chính](#)
- [Lưu ký chứng khoán](#)
- [Dịch vụ quản lý sổ cổ đông](#)

Sau hơn 11 năm hoạt động với số lượng hơn 26.000 tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư, PSI đã làm tốt vai trò của một đơn vị môi giới chứng khoán là thành viên thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và là một công ty môi giới chứng khoán đáng tin cậy. PSI cam kết mang đến cho khách hàng các sản phẩm dịch vụ chứng khoán phong phú đa dạng, cạnh tranh về chất lượng. Bên cạnh các dịch vụ giao dịch trái phiếu, cổ phiếu, chứng chỉ quỹ mở, quản lý cổ đông...PSI còn cung cấp các dịch vụ tài chính để đáp ứng nhu cầu của khách hàng với lãi suất ưu đãi phù hợp với từng đối tượng khách hàng.

Là một trong số những công ty chứng khoán được thành lập đầu tiên trên TTCK Việt Nam, PSI cung cấp tới các nhà đầu tư dịch vụ chứng khoán chuyên nghiệp cùng với hệ thống công nghệ thông tin hiện đại nhất trên thị trường chứng khoán hiện nay. Để đáp ứng nhu cầu của nhà đầu tư, PSI rất chú trọng phát triển các phần mềm giao dịch online như: Smart_Trade, Smart_Invest, MTS (Mobile_Trading). MTS (Mobile_Trading) được triển khai trên nền hệ điều hành Apple iOS (iOS

platform) và trên nền hệ điều hành Android nên phù hợp với mọi dòng smart phone hiện có tại Việt Nam. MTS là sản phẩm tiên tiến hỗ trợ nhà đầu tư liên tục được cập nhật các thông tin về thị trường, đáp ứng nhu cầu giao dịch của khách hàng tại bất cứ nơi đâu, ngay cả khi đang di chuyển với khả năng bảo mật cao.

Các hoạt động Dịch vụ chứng khoán của PSI hướng tới 2 đối tượng phục vụ:

- **Khách hàng cá nhân:** cung cấp dịch vụ Môi giới, Tư vấn đầu tư danh mục, Báo cáo phân tích, Tóm tắt thị trường hàng ngày
- **Khách hàng tổ chức** được chia thành 2 nhóm Khách hàng Doanh nghiệp và Khách hàng tổ chức Tài chính, với các dịch vụ bao gồm giới thiệu, tư vấn cơ hội đầu tư phù hợp; M&A; môi giới giao dịch lô lớn, cung cấp các Báo cáo phân tích thị trường, ngành và cơ hội đầu tư; Quan hệ Nhà đầu tư (IR) và Môi giới trái phiếu.

2. Dịch vụ Ngân hàng đầu tư

Với mạng lưới khách hàng rộng lớn và đối tác chiến lược trong và ngoài nước có nhiều kinh nghiệm như **PVcomBank** và **SMBC Nikko**, sự hỗ trợ tích cực từ **PetroVietnam**, PSI có nhiều kinh nghiệm trong việc cung cấp dịch vụ tư vấn đa dạng, đáp ứng được nhiều yêu cầu khác nhau nhằm mang lại kết quả khả quan nhất cho khách hàng.

Hiện PSI là một trong số ít công ty chứng khoán có thể cung cấp tất cả các nghiệp vụ tư vấn bao gồm Tư vấn Tái cấu trúc, M&A, Cổ phần hóa. Quản trị doanh nghiệp, Phát hành, Niêm yết cùng đội ngũ nhân viên được đào tạo bài bản trong nước và nước ngoài với nhiều kinh nghiệm làm việc tại Việt Nam.

+ **Tư vấn Tái cấu trúc:** PSI rà soát mô hình hoạt động, cơ cấu tài chính, cơ cấu tài sản, cơ cấu nợ, dòng tiền... để đưa ra các sản phẩm cấu trúc tài chính phù hợp với đặc thù ngành nghề và năng lực tài chính của từng doanh nghiệp.

Trên cơ sở khảo sát và đánh giá thực trạng tình hình hoạt động của doanh nghiệp, PSI đưa ra phương án cơ cấu lại các mảng hoạt động kinh doanh, cơ cấu tổ chức phân quyền, cơ cấu lại hoạt động tài chính: sử dụng tài sản; công nợ; phân bổ vốn đầu tư; tỷ lệ quy mô vốn chủ sở hữu, đảm bảo một cơ cấu hợp lý phù hợp với chiến lược phát triển của ngành, vùng, quốc gia và xu thế chung thế giới nhằm tạo bước đột phá cho sự phát triển & nâng cao hiệu suất kinh doanh của doanh nghiệp.

+ **Tư vấn M&A:** PSI là một trong những đơn vị tiên phong tại Việt Nam về phát triển tư vấn Mua

bán và Sáp nhập (M&A), là đơn vị tư vấn M&A chính của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

Bộ phận Tư vấn M&A của PSI giúp khách hàng nghiên cứu về thị trường; ngành nghề, tìm kiếm các cơ hội đầu tư mua/bán phù hợp với chiến lược phát triển kinh doanh trong nước & quốc tế, trợ giúp trong quá trình tổ chức soát xét, đánh giá doanh nghiệp due diligence, trợ giúp đàm phán với đối tác, kí kết các hợp đồng mua bán cổ phần, hợp tác kinh doanh chiến lược, hỗ trợ kỹ thuật, hoàn thiện thủ tục giao dịch.

Với đội ngũ chuyên gia giàu kinh nghiệm và chuyên nghiệp, PSI sẽ cùng với các khách hàng triển khai việc mua bán và sáp nhập một cách thành công, hiệu quả và nhanh chóng.

+ Tư vấn Cổ phần hóa: PSI cung cấp dịch vụ tư vấn từ khâu xử lý tài chính, hỗ trợ tái cấu trúc vốn trước và sau khi chuyển đổi, hỗ trợ định giá doanh nghiệp và định giá chứng khoán phát hành. PSI tư vấn cho doanh nghiệp 100% vốn nhà nước xây dựng phương án chuyển đổi thành công ty cổ phần bao gồm: hình thức cổ phần hóa, cơ cấu vốn điều lệ, phương thức phát hành cổ phiếu, phương án sắp xếp lao động, phương án hoạt động sản xuất kinh doanh giai đoạn sau cổ phần hóa, xây dựng điều lệ công ty, tư vấn mô hình tổ chức và hoạt động của công ty cổ phần nhằm đảm bảo sự thành công trong quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp.

PSI tư vấn cho doanh nghiệp các thủ tục, trình tự, nội dung tiến hành cuộc họp của các cổ đông của công ty cổ phần được tổ chức lần đầu tiên sau khi công ty cổ phần được thành lập, đảm bảo đúng pháp luật hiện hành.

+ Tư vấn Quản trị doanh nghiệp: PSI cùng khách hàng cải tiến, hoàn thiện và không ngừng nâng cao hiệu quả hoạt động của tổ chức thông qua các chính sách, cơ chế quản lý hữu hiệu và phát huy năng lực của đội ngũ.

Bằng việc nghiên cứu, đánh giá hoạt động của doanh nghiệp, từ đó PSI đưa ra các khuyến nghị phù hợp nhằm cải thiện hiệu quả kinh doanh, xây dựng Điều lệ tổ chức và hoạt động của doanh nghiệp, các quy chế điều chỉnh hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, quy trình công bố thông tin đại chúng, tổ chức đại hội đồng cổ đông....

+ Tư vấn Phát hành: PSI giúp doanh nghiệp lựa chọn giải pháp huy động vốn phù hợp với kế hoạch sản xuất kinh doanh, đảm bảo các mục tiêu về cơ cấu vốn, cơ cấu cổ đông tối ưu...

- Tư vấn phát hành ra công chúng: PSI tư vấn xây dựng hồ sơ phát hành chứng khoán cho doanh nghiệp đủ nội dung, đúng thủ tục pháp lý trình Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp phép phát hành; xây dựng hồ sơ đấu giá, đăng ký đấu giá qua Sở giao dịch chứng khoán TP.

Hồ Chí Minh/Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo nhu cầu của doanh nghiệp

- Tổ chức đấu giá cổ phần tại PSI (đối với các doanh nghiệp không đủ điều kiện phát hành ra công chúng): PSI tổ chức buổi đấu giá cho DN phát hành tại sàn giao dịch của công ty bảo đảm công khai, công bằng, dân chủ và đúng pháp luật cho nhà đầu tư bao gồm các nội dung: xây dựng Quy chế đấu giá, thủ tục đấu giá, làm việc với nhà đầu tư trước đấu giá và hỗ trợ doanh nghiệp sau khi phát hành.

+ **Tư vấn Niêm yết:** PSI cung cấp cho doanh nghiệp lộ trình hoạt động cụ thể để đạt được lợi ích tối đa của việc niêm yết, mang lại thương hiệu cho doanh nghiệp, lợi ích cho nhà đầu tư.

PSI tư vấn cho các doanh nghiệp đã phát hành chứng khoán ra công chúng, công ty đại chúng có đủ điều kiện đăng ký niêm yết và giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh/Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội một cách bài bản và chuyên nghiệp, từ khâu khảo sát và xây dựng hồ sơ, nộp Sở giao dịch chứng khoán chấp thuận, lập danh sách cổ đông và hỗ trợ cổ đông thực hiện quyền trong quá trình niêm yết, công bố thông tin đại chúng, lưu ký chứng khoán tại PSI và tái lưu ký tại Trung tâm lưu ký chứng khoán với thời gian nhanh nhất và lựa chọn thời điểm tốt nhất cho doanh nghiệp

3. Trung tâm phân tích

- **Hoạt động phân tích**

Phân tích là hoạt động có vai trò quan trọng và hỗ trợ cho hầu hết các nghiệp vụ của công ty.

Tại thị trường Việt Nam, vấn đề nổi cộm đó là sự thiếu minh bạch và khó tiếp cận nguồn thông tin đã dẫn tới sự mất công bằng giữa các nhà đầu tư. Chính vì vậy việc cung cấp các sản phẩm phân tích kịp thời chính xác và toàn diện là vô cùng cần thiết

Hoạt động phân tích của PSI được xây dựng bởi đội ngũ cán bộ giàu kinh nghiệm và am hiểu sâu sắc về các doanh nghiệp trong ngành dầu khí, cung cấp một chuỗi các sản phẩm phân tích đa dạng, đầy đủ nhưng vẫn đảm bảo tính cạnh tranh so với các CTCK. Với tôn chỉ đặt sự khách quan, trung thực, lợi ích và sự an toàn của Nhà đầu tư lên hàng đầu, PSI luôn mong muốn trang bị cho khách hàng những thông tin cần thiết trước khi ra quyết định đầu tư.

Các sản phẩm của chúng tôi bao gồm:

+ Sản phẩm phục vụ Nhà đầu tư: chúng tôi đã xây dựng được hệ thống báo cáo đầy đủ từ báo cáo kinh tế vĩ mô, báo cáo ngành, báo cáo phân tích các doanh nghiệp, v.v... nhằm đáp ứng nhu cầu của

khách hàng. Với tôn chỉ khách quan, cung cấp đầy đủ và kịp thời cho nhà đầu tư các thông tin hữu ích, các phân tích nhận định sự kiện quan trọng được cập nhật hàng ngày cho các khách hàng. Bên cạnh đó, đảm bảo tính cạnh tranh với thế mạnh là một đơn vị trong ngành dầu khí, hoạt động phân tích có chiều sâu và sự tập trung ở khu vực các doanh nghiệp trong ngành dầu khí và điều này cũng tạo nên điểm đặc thù của hoạt động phân tích PSI.

+ Sản phẩm phục vụ kinh doanh và quản trị rủi ro: PSI đã có những bộ sản phẩm đánh giá cảnh báo rủi ro thị trường, đánh giá phân tích các doanh nghiệp trong danh mục hỗ trợ margin, đảm bảo kịp thời với diễn biến thị trường, giảm thiểu rủi ro trong việc cung cấp các dịch vụ của công ty.

+ Sản phẩm phục vụ quản trị: hoạt động phân tích của PSI cung cấp cho ban lãnh đạo các sản phẩm phân tích kinh tế vĩ mô, các biến động kinh tế toàn cầu, ảnh hưởng của các chính sách và dự báo diễn biến TTCK trong nước.

Chúng tôi còn thực hiện các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp trong ngành bằng các báo cáo chuyên sâu về hàng hóa hoặc thị trường đặc thù trong ngành dầu khí, tư vấn thực hiện tốt hoạt động IR cho một số doanh nghiệp trong ngành, phân tích của PSI dần dần đã và đang góp phần gây dựng hình ảnh cho công ty với các sản phẩm phân tích đặc thù, khác biệt và có sự cạnh tranh với các công ty chứng khoán khác.

Ngoài ra, Trung tâm Phân tích còn cung cấp dịch vụ quan hệ nhà đầu tư (IR), và quan hệ công chúng (PR) cho các doanh nghiệp bao gồm:

+ Phát hành tạp chí thường niên về các Doanh nghiệp trong ngành

+ Tổ chức Hội thảo

+ Tổ chức các chuyến thăm Doanh nghiệp

- ***Hoạt động Phát triển chỉ số***

PSI là đơn vị phát triển Bộ chỉ số PVN-Index (gồm các công ty niêm yết trực thuộc Ngành Dầu khí) với đội ngũ chuyên gia trong và ngoài nước có nền tảng chuyên môn cao.

Chỉ số PVN-Index được quảng bá rộng rãi thông qua website PVNINDEX.VN (tiếng Việt và tiếng Anh) và Kênh thông tin tài chính Bloomberg cũng như các kênh thông tin về tài chính uy tín trong nước. Nhờ đó, chúng tôi đã xây dựng, quản lý và vận hành bộ chỉ số theo tiêu chuẩn quốc tế, là kênh thông tin của nhà đầu tư quan tâm đến nhóm cổ phiếu ngành dầu khí, và là cơ sở để chúng tôi cung cấp các dịch vụ xây dựng, quản lý và vận hành chỉ số đầu tư theo yêu cầu cho các quỹ đầu tư (quỹ ETF hoặc quỹ mở).

Mục tiêu: phát triển các chỉ số đa dạng phục vụ nhu cầu của các nhà đầu tư và phát triển các sản phẩm liên quan đến chỉ số.

Mô hình quản trị, Tổ chức kinh doanh và Bộ máy quản lý

Mô hình quản trị

Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty, bao gồm tất cả các cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty. Đại hội đồng cổ đông có quyền: thông qua định hướng phát triển của Công ty; quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát; quyết định về việc tăng giảm vốn điều lệ Công ty; quyết định tổ chức và giải thể Công ty và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty.

Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty, bao gồm 5 thành viên, có toàn quyền nhân danh Công ty quyết định và thực hiện các quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty, ngoại trừ các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng Quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra với nhiệm kỳ không quá 5 năm. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị được quy định cụ thể tại Điều lệ của Công ty.

Ban Kiểm soát

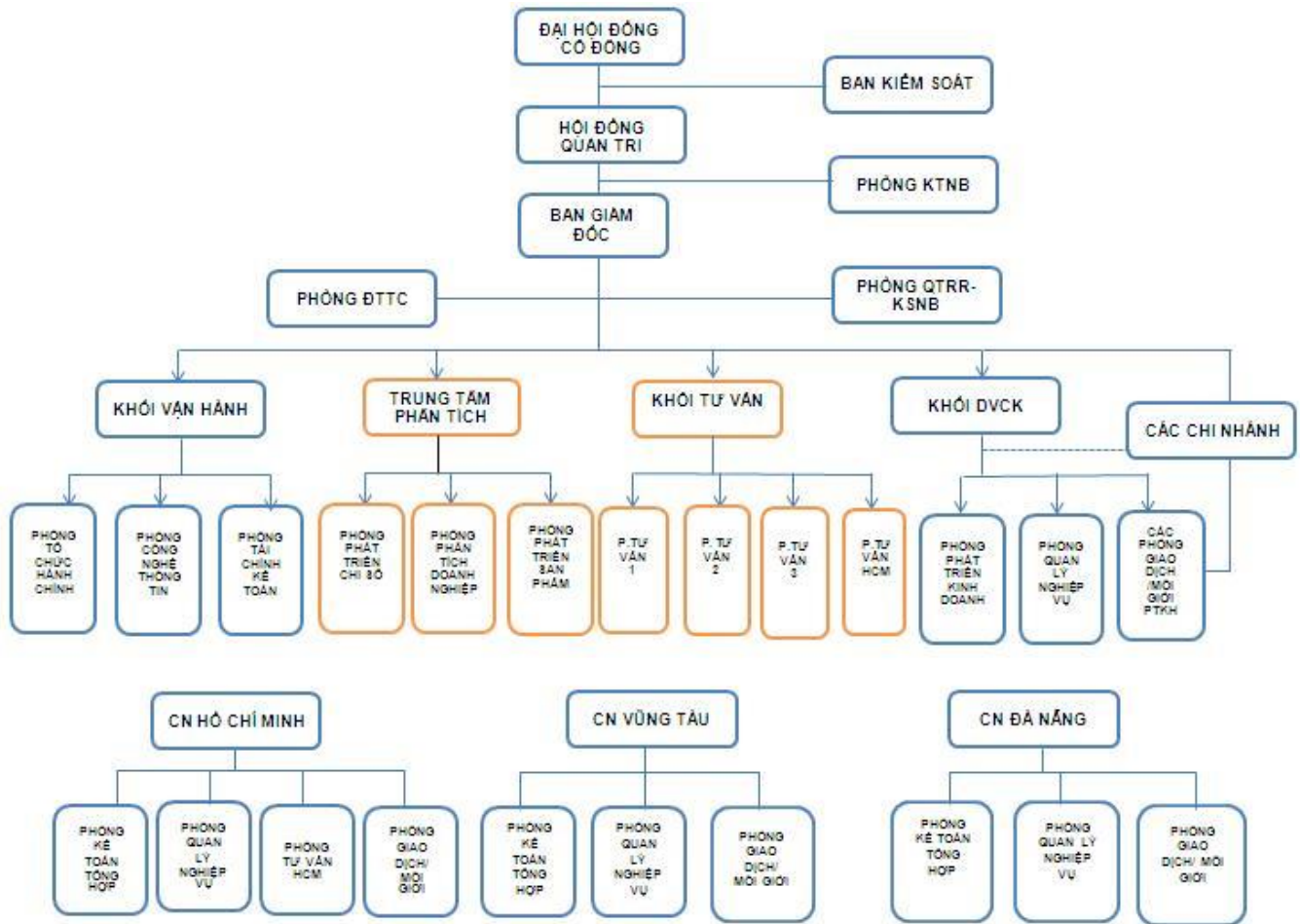
Ban Kiểm soát gồm 03 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát không quá 5 năm. Ban Kiểm soát được ĐHCĐ giao thực hiện quyền giám sát Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc trong việc điều hành, quản lý Công ty; chịu trách nhiệm trước pháp luật và Đại Hội đồng Cổ đông về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình.

Ban Giám đốc

Ban Giám đốc của Công ty do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm, bao gồm 03 người: 01 Giám đốc và 02 Phó Giám đốc.

Cơ cấu bộ máy quản lý

Năm 2017, cơ cấu hoạt động của Công ty gồm 03 khối: Khối Dịch vụ Chứng khoán, Khối Tư vấn, Khối Vận hành, đồng thời mở rộng và phát triển hoạt động của Trung tâm Phân tích PSI



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Tầm nhìn	<ul style="list-style-type: none"> Định hướng đặt ra cho PSI là sẽ trở thành nhà cung cấp dịch vụ chứng khoán và dịch vụ ngân hàng đầu tư chuyên nghiệp, có uy tín hàng đầu tại Việt Nam. Là đối tác tin cậy, điểm đến của các tổ chức tài chính trong và ngoài nước khi muốn đầu tư vào ngành Dầu khí, Năng lượng tại thị trường Việt Nam
Sứ mệnh	<ul style="list-style-type: none"> Tất cả các hoạt động cung cấp dịch vụ, các hoạt động quản lý nghiệp vụ, các giải pháp sáng tạo đều phải lấy khách hàng làm trung tâm, từ đó nâng cao chất lượng, xứng đáng là công ty dịch vụ tài chính hàng đầu trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Năng lực tài chính vững mạnh đủ để cung cấp mọi nhu cầu từ phía khách hàng trên thị trường bằng các giải pháp tài chính nhanh gọn với mức phí

hợp lý so với các đối thủ cạnh tranh.

- Công nghệ hiện đại: xác định công nghệ là yếu tố then chốt trong hoạt động quản trị và phát triển sản phẩm phục vụ khách hàng, PSI sẽ sử dụng các công nghệ nhanh, mạnh nhất phù hợp với năng lực tài chính và nhu cầu của khách hàng.
- Nguồn nhân lực chất lượng cao: PSI xác định sẽ thực hiện mục tiêu tuyển các nhân sự chất lượng cao giàu kinh nghiệm trên các lĩnh vực do PSI cung cấp, thực hiện các chương trình đào tạo nhằm nâng cao kiến thức, nâng cao chất lượng của đội ngũ nhân sự đáp ứng nhu cầu của một công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam
- Hiệu quả trong kinh doanh: PSI xác định nhiệm vụ nâng cao hiệu quả kinh doanh chính là phát huy tối đa các lợi thế sẵn có để mang lại lợi nhuận cho công ty, cán bộ nhân viên và lợi ích cho các cổ đông.
- PSI cam kết thể hiện một nét văn hóa trân trọng và đáp ứng nhu cầu phát triển sự nghiệp lâu dài và quyền lợi chính đáng của tập thể nhân viên PSI

Định hướng trung và dài hạn

- PSI là công ty chứng khoán duy nhất thuộc ngành năng lượng, lấy nhóm khách hàng là các công ty, các cổ đông thuộc lĩnh vực dầu khí làm nền tảng để cung cấp dịch vụ chứng khoán, từ đó xây dựng cơ chế chính sách thu hút các khách hàng mới thông qua hoạt động mở rộng mạng lưới môi giới, hoạt động bán lẻ.
- Phát triển tương xứng với thương hiệu, tầm vóc của ngành Dầu khí, lấy ngành Dầu khí làm trọng tâm, tích lũy kinh nghiệm phục vụ khách hàng Nhà nước, tư nhân lớn khác, từng bước cạnh tranh với các công ty chứng khoán trong nước và vươn ra tầm khu vực.
- Xác định đối tác chiến lược lâu dài là PVcomBank, lấy PVcomBank làm nền tảng cung ứng dịch vụ Ngân hàng đầu tư, hợp tác bán chéo sản phẩm, nhận hỗ trợ tối đa từ phía PVCombank trong hoạt động tiếp cận các khách hàng mục tiêu.
- Trở thành CTCK TOP 15 về doanh thu vào năm 2020 với tăng vốn tối

thiếu 1.500 lên mức 2.000 tỷ thông qua việc phát hành cho cổ đông hiện hữu, phát hành riêng lẻ cho các đối tác chiến lược (ưu tiên cho PVcomBank và các công ty thuộc PVN) và phát hành trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu thường để bổ sung thêm nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh.

- Tinh thần trách nhiệm cộng đồng đã được tích hợp đầy đủ vào mô hình kinh doanh của PSI.
- Các Chính sách đối với cộng đồng của PSI dựa vào các nền tảng nhằm xác định các cách thức phù hợp nhất trong các giao dịch kinh doanh với tất cả các bên liên quan bao gồm: khách hàng, nhân viên và cộng đồng nói chung, nhằm mục tiêu hướng tới tương lai tốt đẹp hơn.

- **Đội ngũ nhân viên**

PSI hướng tới mục tiêu cung cấp môi trường tốt để làm việc, tuyển dụng được nhiều tài năng trong nhiều lĩnh vực công việc khác nhau, khuyến khích sự đột phá của mỗi cá nhân, tạo cơ hội công bằng, khuyến khích nhân viên tham gia vào mọi hoạt động công ty, khuyến khích phát triển nghề nghiệp và chăm sóc sức khỏe tinh thần vật chất của nhân viên.

- **Khách hàng**

PSI chú trọng tới việc mang lại sự hài lòng cho khách hàng mỗi ngày. Chúng tôi cam kết cải tiến liên tục trong hoạt động và tìm kiếm các giải pháp thông minh để đáp ứng nhu cầu khách hàng.

- **Đạo đức kinh doanh**

Công ty PSI đảm bảo rằng tất cả nhân viên phải tuân theo quy tắc ứng xử và đạo đức nghề nghiệp

PSI tôn trọng pháp luật và quy định tại Việt Nam và nghiêm cấm bất kỳ hình thức tham nhũng nào. Sự liêm khiết, tính minh bạch và tăng cường hiệu suất làm việc thông qua đổi mới và quản lý nghiêm đang tiếp tục truyền cảm hứng cho hành động của chúng tôi.

Việc ban hành Quy tắc đạo đức nghề nghiệp tới toàn CBNV công ty nhằm quy định các quy tắc đạo đức kinh doanh của Công ty và quy tắc đạo đức hành nghề,

Các Mục tiêu
đối với Môi
trường, Xã
hội và Cộng
đồng của
Công ty

từ đó điều chỉnh các hành vi của CBNV trong quá trình thay mặt Công ty thực hiện nhiệm vụ với mục đích bảo vệ tốt nhất quyền lợi của khách hàng, của Công ty và các đối tác, đồng thời góp phần xây dựng truyền thống văn hóa Công ty, tạo môi trường thuận lợi cho sự phát triển của thị trường chứng khoán, nâng cao uy tín và tính chuyên nghiệp của Công ty trong hoạt động kinh doanh chứng khoán.

- **Môi trường**

Với mục đích cải thiện môi trường, PSI thực hiện quản lý dựa trên các tác động tới môi trường một cách trực tiếp và gián tiếp. Chúng tôi hiện đang tập trung vào một số vấn đề chính: kiểm soát tiêu thụ nước và năng lượng, giảm phát sinh chất thải và áp dụng thực hành tái chế.

- **Cộng đồng**

PSI luôn tuyển dụng nhân viên tại địa phương, qua đó cung cấp cơ hội việc làm cho nhiều gia đình địa phương. Chúng tôi trao quyền cho nhân viên của mình đóng góp tích cực vào cộng đồng địa phương, xúc tiến trao đổi thông tin hai chiều, tập trung vào các chương trình từ thiện và thiện nguyện.

CÁC RỦI RO

Rủi ro về Kinh tế

Rủi ro về kinh tế là một loại rủi ro hệ thống có tác động trực tiếp và gián tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của tất cả các doanh nghiệp hoạt động trong nền kinh tế (các doanh nghiệp dầu khí, điện, than và kể cả các công ty chứng khoán).

Kinh tế thế giới năm 2017 được đánh giá là tăng trưởng tích cực hơn năm 2016. Số liệu thống kê của hầu hết các tổ chức quốc tế đều phản ánh tăng trưởng toàn cầu trong những báo cáo gần nhất. Niềm tin kinh doanh và niềm tin người tiêu dùng cùng với hoạt động thương mại toàn cầu tăng tích cực nhờ những chính sách nới lỏng và kích thích là động lực thúc đẩy kinh tế thế giới trong năm 2017.

Tuy nhiên đà tăng trưởng này không bền vững khi niềm tin kinh doanh và tiêu dùng có thể lao dốc bất cứ lúc nào khi xuất hiện những yếu tố ngoài dự báo; tăng trưởng thương mại sẽ bị ảnh hưởng khi các nước thu hẹp và rút dần các biện pháp kích thích kinh tế.

Thương mại toàn cầu sau khi chạm đáy năm 2016 (chỉ tăng 2,4%YoY) đã phục hồi trong năm 2017 với dự báo tăng trưởng cả năm ở mức 4% cho thấy nhu cầu của thế giới đã hồi phục đặc biệt là lĩnh vực đầu tư.

Biến động về tăng trưởng kinh tế

Tăng trưởng kinh tế là chỉ tiêu kinh tế tổng hợp ảnh hưởng trực tiếp đến thị trường chứng khoán. Trong thời kỳ nền kinh tế tăng trưởng tốt cùng với những triển vọng sáng sủa sẽ kéo theo sự tăng trưởng và phát triển của trường chứng khoán. Trong bối cảnh này, các nhà đầu tư, các doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực chứng khoán đều được hưởng lợi. Tuy nhiên, nền kinh tế và thị trường chứng khoán không phải lúc nào cũng phát triển thuận lợi mà luôn tiềm ẩn những rủi ro nhất định. Khi có mối đe dọa đến sự ổn định và phát triển kinh tế, thị trường chứng khoán ắt sẽ có phản ứng tiêu cực, đó là sự suy giảm cả về chỉ số giá, cả về tính thanh khoản của thị trường.

Kinh tế Việt Nam được hưởng lợi một phần nhờ sự hồi phục kinh tế tích cực hơn dự báo tại khu vực Châu Âu, Trung Quốc và Nhật Bản; bất chấp sự thiếu tích cực của nền kinh tế Mỹ. Thương mại xuất nhập khẩu tốt hơn dự báo, dòng vốn FDI giải ngân mạnh là một trong những điểm tích cực của kinh tế 2017.

Kinh tế trong nước đạt kế hoạch 6.7% trong năm 2017 sau khi bất ngờ tăng mạnh trong Quý III. Các chỉ báo vĩ mô như tăng trưởng tín dụng, dự trữ ngoại hối, kiều hối đều gia tăng trong năm 2017.

Một trong những thách thức vĩ mô lớn nhất đó là không gian tài khóa cạn kiệt: Thu ngân sách không đủ chi thường xuyên và trả nợ dẫn tới hệ quả: Thâm hụt ngân sách và nợ công tăng; sức ép tăng thuế; các địa phương tự chủ ngân sách sẽ tăng tỷ lệ điều tiết về Trung Ương; dồn gánh nặng thanh toán lên chính sách tiền tệ (thị trường tín dụng; hạ lãi suất) và chính sách cơ cấu (Samsung, Formosa)

Rủi ro Lạm phát

Lạm phát là một trong những yếu tố kinh tế vĩ mô quan trọng, có mối quan hệ mật thiết với sự ổn định và phát triển của nền kinh tế. Nền kinh tế phát triển thường đi đôi với lạm phát. Tuy nhiên, lạm phát cao lại là nguy cơ gây bất ổn đối với sự phát triển kinh tế, xã hội, do đó tác động rất tiêu cực đến thị trường chứng khoán và các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán. Lạm phát cũng là một loại rủi ro hệ thống, do đó vượt ngoài phạm vi điều chỉnh của doanh nghiệp.

CPI bình quân năm 2017 tăng 3.53% so với năm 2016 và tăng 2.6% so với tháng 12 năm 2016. Như vậy mục tiêu kiểm soát lạm phát, giữ mức CPI bình quân năm 2017 dưới 4% đã đạt được trong bối cảnh điều chỉnh được gần hết giá các mặt hàng do Nhà nước quản lý đặt ra trong năm 2017. Trong 11 nhóm hàng hóa và dịch vụ chính tính CPI, có 8 nhóm hàng tăng giá: Thuốc và dịch vụ y tế tăng, giao thông, may mặc, mũ nón, giày dép tăng, nhà ở và vật liệu xây dựng tăng, đồ uống và thuốc lá tăng, hàng hóa và dịch vụ khác tăng, thiết bị và đồ dùng gia đình tăng, văn hóa giải trí và du lịch tăng. Nhóm giáo dục không đổi. Có 2 nhóm giảm: Hàng ăn và dịch vụ ăn uống giảm 0,23%; bưu chính viễn thông giảm 0,03%

Rủi ro Lãi suất

Lãi suất là một yếu tố rất nhạy cảm đối với nền kinh tế, ảnh hưởng trực tiếp đến tiết kiệm, và đầu tư, sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung và các doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực chứng khoán nói riêng, cũng như các nhà đầu tư chứng khoán.

Rủi ro lãi suất đối với công ty chính là trường hợp giá cả chứng khoán thay đổi do lãi suất thị trường dao động thất thường. Giữa lãi suất thị trường và giá cả chứng khoán có mối quan hệ tỷ lệ nghịch. Khi lãi suất thị trường tăng, nhà đầu tư có xu hướng bán chứng khoán để lấy tiền gửi vào ngân hàng dẫn đến giá chứng khoán giảm và ngược lại.

Ngoài hệ quả trực tiếp đối với giá chứng khoán, lãi suất còn ảnh hưởng gián tiếp đến giá cổ phiếu (CP) thường. Khi lãi suất tăng làm giá CP giảm vì các nhà đầu tư vay mua ký quỹ sẽ bị ảnh hưởng. Nhiều công ty kinh doanh chứng khoán hoạt động chủ yếu bằng vốn đi vay thì với mức lãi suất tăng cũng làm cho chi phí vốn tăng.

Áp lực tăng trưởng tín dụng bắt đầu dồn dập từ quý III 2017 đến quý IV, tín dụng tăng tốc tăng hơn 100 nghìn tỷ đồng so với giữa tháng 10, tốc độ tăng trưởng 14.4%. Áp lực đáp ứng nhu cầu tín dụng tăng giai đoạn cuối năm. Các ngân hàng lớn đều gặp khó khăn đưa các tỷ lệ an toàn về đúng quy định.

Nếu dự thảo Thông tư 36 sửa đổi lần hai được thông qua, áp lực thanh khoản sẽ tăng lên. Theo dự thảo, hệ số rủi ro từ các khoản phải đòi trên thị trường liên ngân hàng tăng lên mức 50% từ mức 20% hiện tại và vốn huy động từ việc phát hành giấy tờ có giá cho các tổ chức tín dụng khác không được ghi nhận vào vốn cấp 2 khiến cho CAR của các ngân hàng giảm xuống. Như vậy, nếu ngân hàng nào đang có hệ số CAR thấp, đặc biệt là nhóm các ngân hàng thương mại Nhà nước, thì sẽ

phải hạn chế việc cho vay trên thị trường liên ngân hàng. Cung về vốn giảm xuống sẽ khiến lãi suất trên thị trường liên ngân hàng (thị trường 2) có thể sẽ tăng lên.

Rủi ro Tỷ giá Hối đoái

Công ty Chứng khoán Dầu khí ít bị tác động trực tiếp từ sự biến động tỉ giá. Tuy nhiên, hoạt động kinh doanh có thể bị ảnh hưởng ở một mức độ nhất định thông qua sự tác động đến thị trường chứng khoán.

Tỉ giá hối đoái tác động đáng kể đến nền kinh tế và thị trường chứng khoán thông qua tác động tới các doanh nghiệp xuất nhập khẩu, cán cân thanh toán và sự di chuyển của các nguồn vốn đầu tư. Theo cơ chế quản lý hiện tại, tỉ giá phản ánh quan hệ cung cầu giữa các đơn vị tiền tệ khác nhau và đặt dưới sự quản lý, điều tiết của Nhà nước. Nhiệm vụ công tác quản lý tỉ giá là bảo đảm sự ổn định tiền tệ và tỉ giá, phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội.

Cán cân thương mại năm 2017 chuyển sang nhập siêu khi giai đoạn cuối năm nhu cầu nhập khẩu tăng. Xuất khẩu tăng mạnh quý III phần lớn nhờ xuất khẩu điện thoại chỉ mang tính thời điểm. Các mặt hàng xuất khẩu chủ lực vẫn khá khó khăn. Giá trị nhập siêu của Việt Nam trong năm 2017 khoảng 3.1 tỷ USD. Fed tăng lãi suất vào tháng 12 đã tác động tới tâm lý thị trường cũng như tỷ giá đã tăng trở lại.

Nợ nước ngoài khoảng 39.6 tỷ USD, cuối năm là giai đoạn Chính phủ phải trả nợ khiến nhu cầu ngoại tệ tăng. Nhu cầu ngoại tệ tăng nếu chính sách cho vay ngoại tệ đối với doanh nghiệp xuất khẩu chấm dứt cuối năm.

Đánh giá chung: NHNN hiện tại đang điều hành tỷ giá khá chủ động và nhìn chung các yếu tố trong nước vẫn trong tầm kiểm soát. Khả năng quốc tế có cú shock bất ngờ không lớn; tỷ giá cuối năm tăng nhẹ, tỷ giá cuối năm 2017 biến động trong khoảng 22.900 – 23.000 VND.

Rủi ro về Pháp luật

PSI hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán, một lĩnh vực nhiều nhạy cảm, có ảnh hưởng đến đời sống kinh tế xã hội. Hoạt động của công ty chứng khoán bị điều chỉnh trực tiếp bởi hệ thống các văn bản pháp luật của Quốc hội, Chính phủ, Bộ Tài chính, các Bộ ngành và các cơ quan chức năng liên quan. Do chứng khoán là một lĩnh vực còn khá mới mẻ ở Việt Nam nên hệ thống luật còn đang được thay đổi, bổ sung và hoàn thiện. Mặc dù Nhà nước đã ban hành và áp dụng một số chính sách

bất lợi cho hoạt động kinh doanh như chính sách thuế thu nhập đối với hoạt động đầu tư, nhưng TTCK vẫn không giảm đi sự hấp dẫn, thanh khoản của thị trường vẫn gia tăng. Nhìn chung, loại rủi ro này thường ít xảy ra vì xu hướng chung là Nhà nước ngày càng ban hành các quy định Pháp luật thông thoáng, tạo điều kiện thuận lợi hơn cho các doanh nghiệp và hoạt động kinh doanh.

Ngoài ra, hoạt động của PSI cũng như các doanh nghiệp khác trên thị trường chứng khoán chịu sự chi phối trực tiếp của hệ thống pháp luật liên quan như Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Đầu tư, Luật Thuế.... Do vậy, ngoài rủi ro liên quan đến sự thay đổi, điều chỉnh các văn bản luật về lĩnh vực chứng khoán, còn tồn tại những rủi ro khác liên quan đến việc thiếu tính đồng bộ và nhất quán giữa Luật chứng khoán và các luật liên quan.

Để phòng chống rủi ro này, PSI luôn có bộ phận Pháp chế theo dõi, bám sát quá trình xây dựng các văn bản Pháp luật để đón đầu cơ hội và phòng tránh trước rủi ro.

Ngoài rủi ro pháp lý về luật pháp nói chung, trong hoạt động của các công ty chứng khoán còn có loại rủi ro pháp lý phát sinh từ sự xung đột về quyền và lợi ích giữa Công ty và các đối tác hay khách hàng có thể gây những bất lợi cho Công ty. Để phòng tránh rủi ro, Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí luôn có thái độ tôn trọng và chấp hành Pháp luật một cách nghiêm túc. Công ty có các chuyên gia pháp lý giỏi, giàu kinh nghiệm trợ giúp cho Ban Lãnh đạo Công ty và các bộ phận, phòng ban của Công ty hoạt động theo đúng các quy định của pháp luật, tháo gỡ những khó khăn về pháp lý có thể xảy ra trong quá trình hoạt động. Vì những lý do đó, Công ty có thể kiểm soát, hạn chế tối đa được loại rủi ro này.

Rủi ro Nguồn nhân lực

Trong lĩnh vực kinh doanh chứng khoán, nhân tố con người có vai trò quyết định. Do đó, nguồn nhân lực cũng là một yếu tố cạnh tranh khá mạnh. Trong điều kiện cạnh tranh khá gay gắt về nhân sự trong ngành chứng khoán, PSI vẫn đảm bảo sự ổn định và phát triển nguồn nhân lực có chất lượng cao, tinh thần đoàn kết, gắn bó với Công ty, và đáp ứng yêu cầu hoạt động kinh doanh ngày càng phát triển.

PSI luôn hướng đến một chế độ đãi ngộ dựa trên giá trị mà đội ngũ nhân viên PSI tạo ra cùng cơ sở hài hòa với lợi ích của công ty và quy định của nhà nước Việt Nam. Chế độ này thể hiện sự tôn trọng của PSI đối với mỗi nhân viên, đảm bảo nhân viên có thể an tâm tập trung phát triển sự nghiệp tại PSI để tiếp tục tạo ra và chia sẻ những giá trị mới.

Ngoài ra PSI cũng chú trọng tới việc đào tạo nhằm xây dựng nguồn nhân lực có nền tảng kiến thức vững vàng. Trong năm 2017, PSI tập trung đẩy mạnh các khóa đào tạo về các nghiệp vụ Chứng khoán giúp nâng cao chất lượng nhân sự toàn công ty. Ngoài các khóa đào tạo phối hợp với Trung tâm đào tạo UBCKNN để tổ chức các lớp đào tạo chứng chỉ hành nghề, PSI còn tổ chức các buổi đào tạo nội bộ trao đổi về kiến thức, kinh nghiệm, hiểu biết với các sản phẩm, dịch vụ đang cung cấp, kiến thức ngành, các thay đổi liên quan đến khung pháp lý, môi trường kinh doanh, hoạt động kinh doanh chứng khoán tại Việt Nam và kỹ năng trong công việc.

Rủi ro về Cạnh tranh

Cạnh tranh là quy luật tất yếu trong nền kinh tế thị trường, nó luôn tồn tại trong bất cứ môi trường hoạt động kinh doanh nào. Theo thống kê của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, hiện trên thị trường có 74 công ty chứng khoán đã được cấp phép và hoạt động (giảm mạnh từ 105 công ty vào năm 2015). Tuy nhiên, cuộc cạnh tranh giành thị phần đang diễn ra khá gay gắt, cụ thể:

- Cuộc cạnh tranh về giảm mức phí dịch vụ nhằm thu hút khách hàng, giành thị phần;
- Cạnh tranh chiếm lĩnh địa bàn kinh doanh thuận lợi;
- Cạnh tranh về việc đầu tư, trang bị công nghệ thông tin hiện đại;
- Cạnh tranh trong việc sáng tạo ra các sản phẩm, dịch vụ mới, hấp dẫn các nhà đầu tư;
- Cạnh tranh nhân sự có chất lượng cao...

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2017

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

ĐVT: tỷ đồng

STT	Khoản mục	Kế hoạch 2017 (ĐHCĐ)	Thực hiện			
			Năm 2017	%TH so với KH 2017	Năm 2016	%TH năm 2017 so với năm 2016
I	Tổng doanh thu	100.0	91.22	91.22%	88.08	103.56%
1	Doanh thu DVCK	64.5	66.2	102.69%	55.1	120.13%
1.1	Môi giới chứng khoán	20	25.67	128.33%	17.66	145.35%
1.2	Lưu ký chứng khoán	9.5	8.47	89.16%	8.38	101.07%
1.3	Dịch vụ Tài chính	35.0	32.10	91.71%	29.10	110.31%
2	Doanh thu Đầu tư CK, góp vốn	5.0	2.43	48.52%	5.50	44.09%
3	Doanh thu Tư vấn	23.0	9.93	43.16%	16.79	59.11%
4	Doanh thu khác	7.5	12.63	168.36%	10.65	118.56%
II	Tổng chi phí	95.0	85.96	90.49%	83.06	103.49%
III	Lợi nhuận trước thuế	5.0	5.25	105.08%	5.0	105.08%

(Chưa tính các chi phí năm trước chưa hạch toán vào chi phí năm nay, lợi nhuận lấy số net)

- Doanh thu năm 2017 là 91.22 tỷ đồng chỉ đạt 91.22% kế hoạch ĐHCĐ năm, nhưng đạt 103.56% so với năm 2016, trong đó:

+ **Doanh thu Khối Dịch vụ Chứng khoán** năm 2017 là 66.2 tỷ đồng, bằng 102.69% kế hoạch năm, bằng 120.13% so với cùng kỳ năm ngoái. Doanh thu tất cả các mảng của Khối Dịch vụ Chứng khoán đều tăng so với cùng kỳ năm trước, đặc biệt là doanh thu môi giới tăng 145.35%, đạt 128.33% kế hoạch năm. Trong năm 2017, do các chương trình ESOP GAS và ESOP DPM đến hạn nên PSI cũng thu được khá nhiều phí môi giới từ nhóm khách hàng này. Tăng trưởng mảng doanh thu này cũng nhờ vào sự tăng trưởng của toàn thị trường chứng khoán. Kể từ năm 2007 đến nay, doanh thu môi giới năm 2017 chỉ thấp hơn doanh thu môi giới năm 2010 (28 tỷ đồng) khi công ty duy trì 7 chi nhánh trong cả nước.

Doanh thu lưu ký năm 2017 là 8.47 tỷ đồng, đạt 89.16% kế hoạch năm, đạt 101.07% so với cùng kỳ 2016. Doanh thu từ hoạt động lưu ký và quản lý cổ đông vẫn ổn định do PVN đã lưu ký một số mã cổ phiếu tại PSI và PSI vẫn có nguồn thu từ phí chuyển nhượng các mã cổ phiếu chưa niêm yết và trả hộ cổ tức các đơn vị.

Doanh thu dịch vụ tài chính năm 2017 là 32.1 tỷ đồng, đạt 91.71% kế hoạch năm và đạt 110.31% so với cùng kỳ 2016. Khối Dịch vụ Chứng khoán đã tổ chức họp hội đồng chính sách dịch vụ tài chính đều đặn hàng tháng để ra soát danh mục cho vay ký quỹ, đưa ra các chính sách linh hoạt đối với nhà đầu tư đồng thời hạn chế rủi ro.

+ **Doanh thu từ hoạt động tư vấn** năm 2017 là 9.93 tỷ đồng, đạt 43.16% so với kế hoạch năm và bằng 59.11% so với cùng kỳ năm 2016. Đây là hoạt động chưa hiệu quả của công ty trong năm 2017. Điểm sang của hoạt động này là Công ty đã ký được hợp đồng tư vấn hợp tác với SMBC Nikko với mức phí thu về khoảng 2.5 tỷ đồng. Đồng thời triển khai được nhiều hợp đồng tư vấn ngoài ngành như các hợp đồng thoái vốn của SCIC, tư vấn roadshow cho TKV. Ngày 16.3.2017, Hội đồng Quản trị Công ty ra Nghị quyết số 03/NQ- HĐQT-CKDK về việc phương án cơ cấu tổ chức Khối Tư vấn, trong đó giao Ban Điều hành xây dựng và đề xuất các cơ chế, chính sách cho Khối Tư vấn sau khi cơ cấu lại tổ chức.

+ **Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn** từ năm 2017 có thu nhập từ cổ tức các mã cổ phiếu trong danh mục, đạt 2.43 tỷ đồng, đạt 48.52% kế hoạch năm và 44.09% so với năm 2016. Trong năm 2017, hoạt động này cũng chưa hoàn thành nhiệm vụ đưa tỷ lệ đầu tư về đúng theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước do Công ty chưa có đủ các điều kiện thuận lợi. Trong danh mục cổ phiếu OTC của công ty có một mã cổ phiếu của Công ty CP Công nghệ Thông tin, Viễn thông và Tự động Hóa Dầu Khí đã được HNX chấp thuận đăng ký giao dịch với mã chứng khoán là PAI, ngày giao dịch đầu tiên là 23.1.2017, tổng giá trị đầu tư của PSI là 5.018.100.000 đồng.

+ **Doanh thu khác** năm 2017 đạt 12.63 tỷ đồng, bằng 168.36% kế hoạch năm, bằng 118.56% so với cùng kỳ năm trước. Doanh thu khác chủ yếu là lãi tiền gửi, doanh thu PVN-Index và doanh thu từ chênh lệch đánh giá lại chứng khoán niêm yết tại thời điểm chốt năm tài chính. Trong năm 2017, công ty đã tận dụng nguồn vốn nhàn rỗi do không sử dụng hết cho dịch vụ tài chính để tăng doanh thu từ hoạt động tiền gửi nhưng giảm doanh thu xuất hóa đơn cho các đơn vị trong ngành tham gia bộ chỉ số PVN Index hơn năm trước do có một số đơn vị xin tạm thời dừng tham gia dự án như PET, DMC, PVD. Tại ngày chốt năm, giá cổ phiếu PPY tăng cao so với giá đầu tư nên doanh thu từ chênh lệch đánh giá lại chứng khoán tạm ghi nhận là 3.65 tỷ đồng.

Trong năm 2017, Công ty đã phải chi trả Ngân hàng Oceanbank chi phí thuê phòng giao dịch 2 tại tòa nhà PetroVietnam 18 Láng Hạ từ năm 2009 đến nay, số tiền là 2.162 tỷ đồng. Công ty cũng đã cơ bản giải quyết hết số dư nợ tạm ứng tồn đọng từ nhiều năm trước, cụ thể trong năm đã giảm số dư tạm ứng là khoảng 1.5 tỷ đồng. Như vậy, tổng chi phí những năm trước hạch toán vào chi phí năm nay là 3.7 tỷ đồng.

- Lợi nhuận năm 2017 là 5.25 tỷ đồng, trong đó Lợi nhuận kết toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp là 17,74 tỷ đồng và lỗ từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán là -12,5 tỷ đồng.

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Danh sách Ban điều hành

Ông Nguyễn Anh Tuấn - Chủ tịch HĐQT

Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính

- 10/2005 – 04/2007: Giám đốc chi nhánh Đà Nẵng Công ty Bảo hiểm Dầu Khí
- 6/2007 - 10/2007: Giám đốc Công ty Bảo hiểm Dầu khí Thăng Long
- 10/2007 đến 10/2013: Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam
- 10/2013 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam
- 03/2016 đến nay: Chủ tịch Hội Đồng Quản trị Công ty CP Chứng khoán Dầu khí.

Bà Hoàng Hải Anh – Giám đốc

Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, 13 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, chứng khoán

- 7/2007 – 7/2010: Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu tư và Tư vấn Tài chính Dầu khí
- 8/2010 - 05/2013: Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Chứng khoán Dầu khí.
- 05/2013 – 03/2015: Chủ tịch Hội Đồng Quản trị Công ty CP Chứng khoán Dầu khí.
- 03/2015 – 04/2016: Chủ tịch Hội Đồng Quản trị kiêm Giám đốc Công ty CP Chứng khoán Dầu khí
- 04/2016 đến nay: Giám đốc Công ty CP Chứng khoán Dầu khí.

Ông Nguyễn Văn Nhiệm - Trưởng Ban Kiểm soát

Thạc sỹ Tài chính Kế toán, 19 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Kế toán và Kiểm toán.

- 12/2006 đến nay: làm việc tại Công ty CP Chứng khoán Dầu khí qua các chức vụ Kế toán trưởng, Trưởng Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Xuân Hưng - Phó Giám đốc

Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, chứng khoán.

- 8/2007 – 4/2009: Giám đốc Ban Đầu tư – Công ty CP Chứng khoán Dầu khí
- 5/2009 đến nay: Phó Giám đốc Công ty CP Chứng khoán Dầu khí

Ông Đặng Minh Quang - Phó Giám đốc

Tiến sĩ Quản trị kinh doanh, 17 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, chứng khoán.

- 2008 - 2010: Giám đốc kế hoạch chiến lược và phát triển hệ thống – Ngân hàng Bảo Việt.
- 04/2010 – 10/2013: Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc – Công ty CP Quốc tế Sơn Hà.
- 11/2013 đến nay: Phó Giám đốc Công ty CP Chứng khoán Dầu khí.

Bà Đinh Thị Lan Phương - Kế toán Trưởng

Cử nhân Kinh Tế - Ngành Tài chính Tín dụng, 13 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán ngành chứng khoán.

- 7/2010: Phó Phòng Tài chính Kế toán – Công ty CP Chứng khoán Dầu khí
- 23/08/2013 đến nay: Kế toán trưởng – Công ty CP Chứng Khoán Dầu khí

Những thay đổi trong Ban điều hành

- **Tháng 05/2017:** Chấm dứt Hợp đồng lao động với Bà Thái Việt Anh – Phó Giám đốc Công ty theo nguyện vọng cá nhân.
- **Tháng 10/2017:** Chấm dứt Hợp đồng lao động với Ông Trần Hùng Dũng – Phó Giám đốc Công ty để nghỉ hưu trí theo quy định.

Số lượng cán bộ nhân viên

Tính đến ngày **31/12/2017**, tổng số lượng Cán bộ nhân viên Công ty là **130 người**, trong đó:

Trụ sở	94 người
Chi nhánh HCM	22 người
Chi nhánh Vũng Tàu	8 người
Chi nhánh Đà Nẵng	6 người

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Doanh thu từ hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn thực hiện năm 2017 là 2.43 tỷ đồng từ cổ tức các mã cổ phiếu trong danh mục, tương ứng 48.52% so với kế hoạch năm. Trong năm, Công ty không cân đối nguồn cho hoạt động tự doanh theo kế hoạch ban đầu là 23 tỷ đồng, do mục tiêu phát triển là ưu tiên phát triển mảng dịch vụ chứng khoán, hoạt động tự doanh của PSI phần lớn tập trung vào quản lý danh mục đầu tư nên doanh thu tự doanh chỉ chiếm tỷ lệ nhỏ trong cơ cấu tổng doanh thu và lợi nhuận toàn công ty.

Trong năm 2017, Ban lãnh đạo Công ty đã nỗ lực trong việc cải thiện tình trạng tài sản đầu tư bằng cách tham gia sâu hơn hoạt động điều hành của doanh nghiệp đầu tư, tư vấn, tìm cách tháo gỡ để làm tăng thêm giá trị của doanh nghiệp.

- Đối với hoạt động đầu tư chứng khoán niêm yết:

Các hoạt động đầu tư chứng khoán ngắn hạn được xây dựng phương án đầu tư trên cơ sở phân tích dự báo tình hình thị trường và kinh tế trong, ngoài nước, sau đó tìm kiếm các cơ hội đầu tư phù hợp, trong đó các cơ hội đầu tư đều được đánh giá độc lập bởi bộ phận phân tích. Với đội ngũ chuyên gia phân tích am hiểu và giàu kinh nghiệm phân tích trong lĩnh vực dầu khí, PSI đã tìm kiếm được và thực hiện đầu tư thành công một số cơ hội đầu tư ngắn hạn là cổ phiếu dầu khí. Tuy nhiên, do ưu tiên phát triển mảng dịch vụ chứng khoán nên năm 2017 các hoạt động đầu tư chứng khoán niêm yết rất hạn chế.

Năm 2017, bối cảnh thế giới và Việt Nam có nhiều sự thay đổi đã tác động đến hoạt động đầu tư. Ảnh hưởng nhiều nhất tới hoạt động đầu tư niêm yết trong năm là tác động từ làn sóng hồi phục mạnh mẽ của giá hàng hóa cơ bản, đặc biệt là dầu thô. Giá dầu Brent giao ngay đã tăng từ thời điểm chạm đáy 55.47 USD/thùng đầu năm 2017 đến mức gần 66.87 USD/thùng tại thời điểm cuối năm 2017, tác động tâm lý tích cực tới các cổ phiếu niêm yết ngành dầu khí.

- Đối với hoạt động đầu tư chứng khoán chưa niêm yết:

Ngay từ đầu năm 2017, Hội đồng Quản trị, Ban Lãnh đạo công ty tiếp tục tập trung vào nhiệm vụ cơ cấu lại danh mục đầu tư chứng khoán chưa niêm yết, nâng cao hiệu quả hoạt động đầu tư, giảm tỷ lệ đầu tư chứng khoán chưa niêm yết xuống tỷ lệ theo đúng quy định. Trong đó, Ban Lãnh đạo đã cùng với bộ phận chức năng thực hiện các biện pháp cơ cấu và xây dựng kế hoạch cho danh mục

đầu tư chứng khoán chưa niêm yết. Bộ phận chức năng đã chủ động liên hệ với các doanh nghiệp để cập nhật tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, cập nhật và báo cáo định kỳ hàng tháng.

Nhằm tăng cường vai trò giám sát, quản trị, nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp, PSI đã cử 4 nhân sự chủ chốt tham gia vào Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát của các doanh nghiệp trong danh mục đầu tư.

Bộ phận chức năng theo dõi các khoản đầu tư tài chính chưa niêm yết liên tục giữ mối liên hệ với các doanh nghiệp, chủ động cập nhật thông tin kịp thời về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, các thay đổi trong quản trị công ty, báo cáo định kỳ hàng tháng về các biến động, đưa ra các đề xuất, khuyến nghị để Ban Lãnh đạo có những quyết định kịp thời với các khoản đầu tư.

Năm 2018, với sự phát triển chung của thị trường, sự chủ động trong hoạt động đầu tư, hy vọng hoạt động cơ cấu lại danh mục sẽ đạt được những kết quả tốt hơn, đảm bảo kế hoạch kinh doanh của công ty.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm		% tăng giảm
	2016	2017	
Tổng giá trị tài sản	640,484,163,329	647,235,133,697	1,05%
Doanh thu thuần	88,078,245,810	91,217,573,646	3,56%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	5,824,097,308	17,658,907,077	203,20%
Lợi nhuận khác	(812,403,961)	86,739,428	-110,68%
Lợi nhuận trước thuế	5,011,693,347	17,745,646,505	254,08%
Lợi nhuận sau thuế	5,011.693.347	17,745,646,505	254,08%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	-	

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chi tiêu	Năm		% tăng giảm
	2016	2017	
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	16.69	16.03	
+ Hệ số thanh toán nhanh	16.69	16.03	Không có hàng tồn kho
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số nợ/Tổng tài sản	0.06	0.06	
+ Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	0.06	0.06	
3. Chỉ tiêu về Năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho			Không có hàng tồn kho
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0.06	0.19	

+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0.01	0.03	
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0.01	0.03	
+ Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0.06	0.19	

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CHỦ SỞ HỮU

Cổ phần

Số cổ phần đang lưu hành 59.841.300 cổ phần

Số cổ phần tự do chuyển nhượng 59.841.300 cổ phần

Số cổ phần hạn chế chuyển nhượng 0 cổ phần

Cơ cấu cổ đông

STT	Tên cổ đông	Vốn góp tại 31/12/2017		
		Số lượng	Giá trị	Tỉ lệ
1	Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	30.622.674	306.226.740.000	51.17%
2	SMBC Nikko Securities Inc.	8,916,300	89,163,000,000	14.90%
3	CTCP Đầu tư Tài chính Thành Việt	7,500,000	75,000,000,000	12.53%
4	CTCP Hồng Ngân	3,231,700	32,317,000,000	5.40%
5	Các cổ đông khác	9,570.626	95.706.260.000	16%
	Cộng	59,841,300	598,413,000,000	100%

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Cổ đông	Số CP sở hữu	Tỷ lệ	Mua	Bán	Cuối kỳ	Tỷ lệ
Nikko Cordial Securities Inc.	8,916,300	14.90%			8,916,300	14.90%
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Thành Việt	7,500,000	12.53%			7,500,000	12.53%
Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	13,162,885	22.00%	10,900	13,173,785	0	0%
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	17,055,889	28.50%	13.566.785		30.622.674	51.17%
Công ty Cổ phần Hồng Ngân	3,231,700	5.40%			3,231,700	5.40%

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Trong năm 2017, Công ty chưa hoàn thành kế hoạch Đại hội cổ đông về doanh thu nhưng hoàn thành kế hoạch về lợi nhuận lợi nhuận. Trong năm 2017, nổi bật nhất là mảng dịch vụ chứng khoán

đã hoàn thành vượt mức kế hoạch năm bên cạnh các mảng hoạt động khác chưa hoàn thành kế hoạch năm. Trong năm 2017 Công ty cũng rất nỗ lực để củng cố hoạt động và khắc phục khó khăn trong bối cảnh ngành dầu khí khủng hoảng, cụ thể:

Đối với mảng Dịch vụ Chứng khoán: Ngày 8.5.2017, thị phần của PSI đã đạt được con số hơn 2% giá trị giao dịch toàn thị trường, với doanh số môi giới ngày khoảng 406 triệu đồng, lọt top 15 công ty chứng khoán hàng đầu. Doanh thu môi giới bình quân cả năm khoảng 100 triệu đồng/ngày. Kể từ năm 2007 đến nay, doanh thu môi giới năm 2017 chỉ thấp hơn doanh thu môi giới năm 2010 (28 tỷ đồng) khi công ty duy trì 7 chi nhánh trong cả nước.

Đối với mảng Tư vấn: Điểm sáng của hoạt động tư vấn là Công ty đã ký được hợp đồng tư vấn hợp tác với SMBC Nikko với mức phí thu về khoảng 2.5 tỷ đồng sau nhiều năm không phát sinh. Đồng thời triển khai được nhiều hợp đồng tư vấn ngoài ngành như các hợp đồng thoái vốn của SCIC, tư vấn roadshow cho TKV.

Đối với mảng Đầu tư Tài chính: Chủ động trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và đầu tư ngắn hạn nhằm lành mạnh hóa tài chính, nâng cao chất lượng tài sản.

Tăng cường quản trị các doanh nghiệp trong danh mục đầu tư OTC, cử người tham gia trực tiếp vào HĐQT, Ban Điều hành để nắm bắt thông tin, hỗ trợ doanh nghiệp tháo gỡ khó khăn, phục hồi và phát triển.

Trung tâm Phân tích: Ngày 4.12.2017 Công ty đã tổ chức tour Hành trình năng lượng 2017 cho các nhà đầu tư đi thăm các doanh nghiệp dầu khí phía Nam. Đã có khoảng 35 nhà đầu tư tổ chức tới thăm và làm việc với các doanh nghiệp trong Bộ chỉ số PVN Index như DCM, DPM, PVOil để cập nhật tình hình sản xuất kinh doanh cũng như tìm kiếm cơ hội đầu tư tại các doanh nghiệp. Ngày 14.12.2017, Công ty đã tổ chức thăm PVPower tại phía Bắc.

Mảng quản lý: Ngay từ đầu năm 2017, PSI đã thực hiện cơ cấu, tuyển dụng nhân sự chủ chốt phù hợp với tình hình kinh doanh năm. Đồng thời xác định rõ nhiệm vụ trọng tâm của năm cũng như hoàn thiện hệ thống giao KPI đến từng cán bộ. Trong năm Công ty cũng tiến hành sửa đổi nhiều quy trình, quy chế để phù hợp hơn với hoạt động kinh doanh và đáp ứng yêu cầu quản trị.

- Ngày 15.3.2017, Công ty đã ban hành mục tiêu chất lượng năm 2017 và kế hoạch kiểm soát mục tiêu của Công ty năm 2017.

- Ngày 23.3.2017, Công ty đã công bố thông tin báo cáo tài chính và báo cáo chỉ tiêu an toàn tài chính kiểm toán năm 2016.
- Ngày 13.4.2017, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành Quyết định số 328/QĐ-UBCK về việc sửa đổi quyết định thành lập chi nhánh Công ty chứng khoán, sửa đổi địa điểm chi nhánh là Lầu 1, tòa nhà PVFCCo, số 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.
- Hoàn chỉnh nhân sự thị trường phía Nam: bổ nhiệm Giám đốc Chi nhánh Hồ Chí Minh, Phó Giám đốc Chi nhánh Vũng Tàu.
- Ngày 26.4.2017, Công ty tổ chức Đại hội cổ đông thường niên.
- Ngày 5.5.2017, Hội đồng Quản trị Công ty ra Quyết định số 09/QĐ-CKDK-HĐQT về việc thành lập Trung tâm Phân tích cùng cơ cấu tổ chức và chức năng nhiệm vụ cụ thể.
- Ngày 10.5.2017, Hội đồng Quản trị Công ty ra Quyết định số 13/QĐ-CKDK-HĐQT về việc ban hành cơ cấu tổ chức và chức năng nhiệm vụ Khối Tư vấn.
- Ngày 12.7.2017, Hội đồng Quản trị Công ty ban hành Nghị Quyết số 14/NQ-HĐQT-CKDK về Quy chế Hoạt động môi giới phát triển khách hàng.
- Ngày 14.12.2017 PSI đã trình PVcomBank tờ trình 269/TT - CKDK về việc phê duyệt mục tiêu chiến lược phát triển PSI đến 2020 và tầm nhìn 2030.
- Ngày 19.12.2017, Hội đồng Quản trị ra Nghị quyết số 20/NQ-HĐQT-CKDK về việc thông qua chủ trương thực hiện dự án “Trang bị hệ thống phần mềm giao dịch chứng khoán, phần mềm và thiết bị kèm theo”.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản

Tài sản của công ty nằm khá nhiều tại danh mục đầu tư chứng khoán OTC. Trong năm 2017, công ty đã tiếp tục nỗ lực tìm kiếm các cơ hội thoái vốn, tăng cường quản trị các doanh nghiệp trong danh mục đầu tư OTC, cử người tham gia trực tiếp vào HĐQT, Ban Điều hành để nắm bắt thông tin, hỗ trợ doanh nghiệp tháo gỡ khó khăn, phục hồi và phát triển. Tuy nhiên, với thị trường gần như đóng băng như hiện nay thì việc thực hiện hiện thực hóa các kế hoạch vẫn chưa thực hiện được. Công ty cũng đã thực hiện rút dần các danh mục ủy thác về quản lý trực tiếp để giảm chi phí cho hoạt động này.

Tình hình nợ phải trả

Trong năm 2017, công ty chủ động hoàn toàn về nguồn vốn nên không phát sinh khoản vay nào, do đó không chịu ảnh hưởng bởi biến động lãi suất trên thị trường.

Công ty tuân thủ các quy định về trích lập dự phòng đối với các khoản phải thu khó đòi, trong năm công ty đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi theo đúng quy định của Pháp luật.

Công ty có cổ đông chiến lược SMBC Nikko (Nhật Bản) nên đối tác cử chuyên gia biệt phái làm việc tại Công ty, do đó Công ty có phát sinh nguồn thu USD từ các khoản SMBC Nikko trả chi phí cho chuyên gia thông qua công ty. Công tác quản lý bộ chỉ số PVN Index cho Tập Đoàn Dầu khí Việt Nam phát sinh chi phí thanh toán USD với đối tác Bloomberg. Hợp đồng tư vấn hợp tác với SMBC Nikko phát sinh nguồn thu JPY; tuy nhiên, những khoản tiền này không lớn nên tác động của chênh lệch tỷ giá đối với PSI là không nhiều.

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý

Về cơ cấu tổ chức:

Trong năm 2017 về cơ bản Công ty vẫn triển khai cơ cấu tổ chức theo mô hình hoạt động 03 Khối với phân công công việc chuyên biệt và nhiệm vụ rõ ràng:

Khối Dịch vụ Chứng khoán	Bao gồm các hoạt động Môi giới lưu ký, các dịch vụ tài chính, quản lý cổ đông, tư vấn đầu tư
Khối Tư vấn	Bao gồm các hoạt động tư vấn như Tư vấn Tái cấu trúc, Tư vấn Cổ phần hóa, Tư vấn M&A....
Khối Vận hành	Bao gồm các hoạt động Tổ chức nhân sự, hành chính, tài chính kế toán và tin học.

Cơ cấu tổ chức trong ty có những thay đổi chính so với cơ cấu tổ chức năm 2017 như sau:

- **Thực hiện thay đổi cơ cấu tổ chức các bộ phận phòng ban:**

- Trên cơ sở sáp nhập Phòng Phát triển chỉ số chứng khoán, Phòng Tư vấn Đầu tư, thành lập Trung tâm Phân tích bao gồm Phòng Phân tích Doanh nghiệp, Phòng Phát triển Chỉ số và Phòng Phát triển Sản phẩm.

➤ Khối Tư vấn được cơ cấu lại bao gồm Phòng Tư vấn 1, Phòng Tư vấn 2, Phòng Tư vấn 3 và Phòng Tư vấn Hồ Chí Minh.

- Thực hiện thay đổi tái cấu trúc về cơ cấu tổ chức nhân sự:

Công ty đã thực hiện tái cấu trúc về hoạt động cũng như nhân sự: Bộ máy cơ cấu tổ chức Công ty gọn nhẹ, thu hẹp cắt bỏ những đơn vị hoạt động kém hiệu quả. Song song với việc tái cấu trúc về cơ cấu tổ chức Công ty đã thực hiện mạnh tái cấu trúc nhân sự theo đó cắt giảm những nhân sự không phù hợp, điều chuyển sắp xếp nhân sự trong nội bộ các đơn vị phù hợp. Cũng theo đó, Công ty đã xây dựng bộ tiêu chuẩn chức danh, mô tả công việc của từng vị trí, cơ chế trả lương trả thưởng hệ thống đánh giá tương thích với mô hình cơ cấu tổ chức cũng như đặc thù hoạt động của các đơn vị.

Về chính sách, quản lý:

Về mặt chính sách quản lý, ĐHCĐ 2017 đã thông qua bầu thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2017 - 2021; Trong năm, HĐQT đã ban hành trên 70 Nghị quyết/Quyết định; trong đó, một số nội dung quan trọng như: Cơ cấu lại tổ chức hoạt động của Khối Tư vấn; Thành lập Trung tâm Phân tích; Ban hành mới Quy chế Hoạt động môi giới phát triển khách hàng; Thông qua chủ trương thực hiện Dự án đầu tư mới phần mềm giao dịch chứng khoán tại PSI; Thông qua định hướng xây dựng chiến lược phát triển PSI trở thành Ngân hàng đầu tư trong lĩnh vực Dầu khí, Năng lượng đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030... Các chủ trương, chính sách, định hướng năm vừa qua thực sự đã tạo ra những thay đổi tích cực trong mọi mặt hoạt động của PSI, kịp thời tháo gỡ cơ chế, xây dựng được văn hóa doanh nghiệp, động lực kinh doanh và dần lấy lại hình ảnh, vị thế của PSI trên thị trường.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NĂM 2018

Dự báo Kinh tế Việt Nam năm 2018

Với những tăng trưởng từ ngành thép, sản xuất chế tạo, nông nghiệp, Ngân hàng thế giới dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam năm 2018 sẽ đạt 6.5%. Theo nhận định của WB, sức cầu trong nước mạnh hơn, các ngành chế tạo và chế biến định hướng xuất khẩu đạt kết quả tốt, ngành nông nghiệp đang từng bước phục hồi là các yếu tố tạo động lực cho nền kinh tế Việt Nam tăng trưởng 6.4% trong 9 tháng đầu năm so với cùng kỳ năm trước. Ngành chế tạo và dịch vụ lần lượt tăng trưởng 7.3% và 12.8% so với cùng kỳ.

Vào cuối tháng 9/2017, Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB) vừa công bố Báo cáo cập nhật triển

vọng Kinh tế châu Á 2017. Trong đó, GDP của Việt Nam được dự báo 6.5% trong năm 2018. Theo đánh giá của ADB, bất chấp sự sụt giảm sản lượng khai khoáng và dầu thô, nền kinh tế Việt Nam tiếp tục đạt kết quả khả quan nhờ được thúc đẩy bởi 2 động lực là sản xuất định hướng xuất khẩu và tăng tiêu dùng nội địa.

Về lạm phát, sức ép tăng CPI trong năm 2018 có thể tăng lên do một số yếu tố như điều chỉnh tăng giá dịch vụ y tế trên một số tỉnh thành, giá dịch vụ giáo dục tăng theo lộ trình, và đặc biệt là giá xăng dầu đang tăng trở lại. Theo IMF, lạm phát được dự báo ở quanh mức 5% do các loại phí do Nhà nước quản lý như giáo dục, y tế được điều chỉnh theo lộ trình. Cụ thể, chỉ số CPI bình quân sẽ tăng 4.8% năm 2018.

Về chính sách tiền tệ trong năm 2018: Với thông điệp đã được đưa ra trước đó là ổn định lãi suất cho vay và kết quả thực hiện trong năm 2017, dự kiến trong năm 2018, Ngân hàng Nhà nước vẫn kiểm soát tăng trưởng tín dụng và cung tiền ở mức hợp lý, ngang bằng với mục tiêu năm 2017, đảm bảo vừa hỗ trợ tăng trưởng kinh tế vừa đảm bảo kiểm soát lạm phát.

Về tỷ giá: Trong năm 2017, tỷ giá VND/USD tiếp tục ổn định nhờ chính sách điều hành linh hoạt thông qua tỷ giá trung tâm. Sức ép lên tỷ giá cũng giảm đi đáng kể khi USD có xu hướng giảm trên thị trường toàn cầu. Dự trữ ngoại hối tính cuối năm 2017 ước tính đạt mức cao kỷ lục xấp xỉ 52 tỷ USD, đây là cơ sở để Ngân hàng Nhà nước kiểm soát ổn định tỷ giá trong thời gian tới. Như vậy, sức ép lên tỷ giá trong năm 2018 có thể sẽ không lớn, với biên độ tăng thêm chỉ khoảng 1% trở xuống.

Thị trường chứng khoán trong năm 2018 được dự báo có khả năng vẫn sẽ tiếp tục tăng trưởng nhờ các chỉ tiêu vĩ mô cải thiện như trong báo cáo gần đây của Tổng cục thống kê, khả năng thúc đẩy tăng trưởng GDP và các chính sách hỗ trợ phát triển thị trường chứng khoán, chính sách cải cách hành chính, giảm lãi suất, giảm chi phí cho doanh nghiệp qua đó tiếp tục là nền tảng vững chắc cho sự phát triển của thị trường chứng khoán Việt Nam trong dài hạn. Bên cạnh đó, song song với thị trường cơ sở thị trường chứng khoán phái sinh tiếp tục phát triển với những sản phẩm mới như covered warrant,.. thu hút nhà đầu tư tham gia.

Tuy nhiên cũng không thể không kể đến những rủi ro nhất định như các biến động kinh tế, chính trị trên thế giới như căng thẳng giữa Mỹ-Triều Tiên, bất đồng thương mại Mỹ-Trung Quốc, bất đồng Mỹ -Nga về vấn đề Syria...

Trong trường hợp không phát sinh các yếu tố ảnh hưởng bất ngờ, TTCK trong năm 2018 nhiều khả năng vẫn biến động theo chiều hướng tăng trưởng, nhưng có sự phân hóa và chọn lọc giữa các nhóm cổ phiếu như:

- Nhóm ngành Bất động sản, Xây dựng, Vật liệu xây dựng, Sản xuất Thép, có kết quả kinh doanh tăng trưởng
- Nhóm ngành hồi phục trở lại sau giai đoạn khó khăn như ngành Dầu khí
- Những cổ phiếu có mức lợi tức cao, các cổ phiếu đầu ngành, cổ phiếu nằm trong danh mục thoái vốn Nhà nước
- Các doanh nghiệp phục vụ tiêu dùng trong nước cũng có cơ hội đáng chú ý như bán lẻ, vật liệu, đồ uống, dược phẩm, dịch vụ hàng không...

Kế hoạch kinh doanh năm 2018

Căn cứ theo năng lực hiện tại và định hướng phát triển trong tương lai, PSI đã đưa ra kế hoạch kinh doanh năm 2018 như sau:

ĐVT: tỷ đồng

STT	Khoản mục	Kế hoạch 2017 (ĐHCD)	Thực hiện 2017	Kế hoạch 2018	% kế hoạch 2018 so với 2017
I	Tổng doanh thu	100.0	91.22	100.0	109.63%
1	<i>Doanh thu DVCK</i>	<i>64.5</i>	<i>66.2</i>	<i>66.5</i>	<i>100.40%</i>
1.1	Môi giới chứng khoán	20	25.67	26	101.30%
1.2	Lưu ký chứng khoán	9.5	8.47	8.5	100.35%
1.3	Dịch vụ tài chính	35.0	32.10	32.0	99.69%
2	<i>Doanh thu ĐTCK, góp vốn</i>	<i>5.0</i>	<i>2.43</i>	<i>4.0</i>	<i>164.88%</i>
3	<i>Doanh thu Tư vấn</i>	<i>23.0</i>	<i>9.93</i>	<i>20.0</i>	<i>201.49%</i>
4	<i>Doanh thu khác</i>	<i>7.5</i>	<i>12.63</i>	<i>9.5</i>	<i>75.24%</i>
II	Tổng chi phí	95.0	85.96	95.0	101.52%
III	Lợi nhuận trước thuế	5.0	5.25	5.0	95.17%

(Lợi nhuận lấy số net)

Hoạt động dịch vụ chứng khoán

Doanh thu dịch vụ chứng khoán năm 2018 dự kiến là 66.5 tỷ đồng, tăng 3.1% so với kế hoạch năm 2017, tương ứng so với thực hiện năm 2017, bởi vì năm 2017 thị trường đã tăng trưởng rất mạnh nên năm 2018 dự kiến không phát sinh các yếu tố ảnh hưởng bất ngờ.

Hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn:

Doanh thu đầu tư chứng khoán góp vốn dự kiến là 4 tỷ đồng từ nguồn đầu tư tự doanh, tương ứng 164.88% so với thực hiện năm 2017. Do hiện trạng danh mục đầu tư của Công ty có tỷ trọng cao là OTC nên công ty cũng cân nhắc cẩn trọng trong việc dành nguồn lực vốn cho tự doanh để đảm bảo không quá mạo hiểm trong đầu tư. Vì vậy, doanh thu đầu tư năm 2018 được đặt mục tiêu khiêm tốn và tập trung vào việc cải thiện chất lượng danh mục đầu tư.

Chủ trương năm 2018 của PSI là (i) Tiếp tục tập trung cơ cấu lại các khoản đầu tư; (ii) Không đầu tư mạo hiểm; (iii) Tận dụng cơ hội thị trường để tiếp tục giảm tổng giá trị danh mục đầu tư, thoái vốn danh mục tồn đọng, đảm bảo an toàn tài chính chung.

Hoạt động tư vấn:

Doanh thu tư vấn kế hoạch năm 2018 là 20 tỷ đồng, bằng 201.49% so với thực hiện năm 2017.

Cơ sở để PSI đặt kế hoạch doanh thu tư vấn năm 2018 bao gồm: (i) các dự án đã ký hợp đồng/triển khai trong năm 2017 sẽ được ghi nhận doanh thu trong năm 2018; (ii) Dự báo các hợp đồng sẽ ký mới và thu được phí trong năm 2018

Trong năm 2018, Công ty tiếp tục đặt mục tiêu củng cố vai trò tư vấn tài chính cho các đơn vị trong ngành dầu khí, sát cánh cùng các đơn vị trong ngành thực hiện mục tiêu phát triển của từng đơn vị thông qua việc cung cấp các dịch vụ tư vấn như niêm yết, phát hành chứng khoán, tìm kiếm cổ đông chiến lược và mua bán sáp nhập, tư vấn quản trị doanh nghiệp. Bên cạnh đó vẫn tích cực mở rộng hoạt động ra ngoài ngành, triển khai các hợp đồng với SCIC, Bộ Công thương ở Tập đoàn Than Khoáng sản, Tập đoàn Hóa chất, Dệt may; từng bước tiếp cận và thực hiện 1 số hợp đồng thoái vốn của các doanh nghiệp trực thuộc UBND thành phố Hà Nội và Hồ Chí Minh; các hợp đồng hợp tác với SMBC Nikko.

Hoạt động khác

Doanh thu hoạt động khác năm 2018 kế hoạch 9.5 tỷ đồng, bằng 75.24% thực hiện năm 2017 do loại trừ doanh thu từ đánh giá lại chứng khoán trong năm 2017 là 3.65 tỷ đồng và có tăng trưởng so với thực tế 2017.

Chi phí và lợi nhuận

Kế hoạch chi phí năm 2018 là 95 tỷ đồng, bằng 110.52% so với thực hiện năm 2017. PSI sẽ cố gắng tiết kiệm chi phí và dùng nguồn đó để trích lập dự phòng. Lợi nhuận năm 2018 dự kiến là 5 tỷ đồng, sau khi trích lập dự phòng.

Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Xin xem ý kiến của Kiểm toán đính kèm

DÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY

DÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Thị trường chứng khoán Việt Nam có một năm ấn tượng khi chỉ số VN-Index tăng hơn 45%; vốn hóa thị trường tăng hơn 70%; tổng giá trị danh mục nhà đầu tư nước ngoài vượt 31 tỷ USD; giá trị mua ròng của khối ngoại trên cả cổ phiếu và trái phiếu đạt hơn 44 nghìn tỷ đồng; những phiên thoái vốn “tỷ đô”;... đây đều là những con số “kỷ lục” được xác lập trên thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2017 vượt qua cả những dự báo tích cực nhất về thị trường đưa ra vào thời điểm đầu năm. Sự bùng nổ của thị trường chứng khoán cũng mang lại nguồn thu đột biến cho các công ty chứng khoán.

Với PSI, Năm 2017 là một năm nhiều khó khăn, thách thức đối với ngành Dầu khí nói chung và Ngân hàng mẹ PVcomBank nói riêng. Đây là năm mà sự hỗ trợ từ PVN và PVcomBank cho PSI là rất hạn chế. PSI phải chủ động trong hoạt động và tự tìm lối đi riêng cho mình. Do đó, tuy con số đạt được của PSI còn hạn chế so với các Công ty chứng khoán trên thị trường nhưng năm 2017 lại đánh dấu sự chuyển mình của PSI trong định hướng hoạt động đặc biệt là tinh thần kinh doanh của toàn thể CBNV.

Đây là năm đánh dấu sự thành công trên quan hệ đối tác chiến lược với cổ đông SMBC Nikko, qua đó PSI đã mở rộng quan hệ với các đối tác Nhật; đồng thời, đạt được nhiều thỏa thuận hợp tác thực

chất, bền vững với SCIC, TKV, AozoraBank, EximBank... nâng tỷ trọng doanh thu ngoài ngành theo định hướng hoạt động.

Sự quyết liệt trong quản trị điều hành cùng các cơ chế, chính sách mới ban hành kịp thời đã bước đầu tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp, động lực làm việc cho toàn thể CBNV, qua đó đã thay đổi cơ bản hình ảnh, bộ mặt và thương hiệu PSI trên thị trường.

Đánh giá của HĐQT đối với từng hoạt động cụ thể

Mảng Dịch vụ Chứng khoán:

Mảng Dịch vụ chứng khoán vẫn là hoạt động kinh doanh chính với doanh thu 66.2 tỷ đồng, chiếm 2/3 doanh thu 2017 của Công ty, đồng thời không để phát sinh rủi ro trong hoạt động. Trong năm, HĐQT đã ban hành Quy chế MGPTKH với các cơ chế, chính sách khuyến khích, tạo động lực cho kinh doanh thể hiện qua phí giao dịch tăng đột biến (trung bình 100 triệu đồng/ngày); Mảng khách hàng tổ chức ngoài cung cấp dịch vụ cho các tổ chức trong nước, PSI đã cung cấp dịch vụ cho 01 đơn vị nước ngoài, đạt được lòng tin và đánh giá cao của đối tác.

Trong năm 2018, HĐQT sẽ tiếp tục cải thiện cơ chế, chính sách, mở rộng quy mô, mạng lưới hoạt động để hoạt động Dịch vụ chứng khoán tiếp tục là mảng kinh doanh mũi nhọn và tạo dựng hình ảnh cũng như sức cạnh tranh cho PSI trên thị trường.

Mảng Đầu tư Tài chính:

Đối với mảng đầu tư tài chính, Công ty đã có một số khắc phục trong việc tăng cường quản trị các doanh nghiệp trong danh mục đầu tư OTC; thay thế, cử người đại diện tham gia trực tiếp vào HĐQT, Ban Điều hành để nắm bắt thông tin, hỗ trợ doanh nghiệp tháo gỡ khó khăn, phục hồi hoạt động; Trong thời gian tới, bên cạnh mục tiêu là tập trung xử lý danh mục đầu tư tồn đọng, HĐQT sẽ chỉ đạo triển khai các sản phẩm đầu tư đi đôi với kiểm soát được rủi ro để Phòng Đầu tư Tài chính đóng góp nhiều hơn nữa vào kết quả kinh doanh của Công ty.

Mảng Tư vấn:

Xác định mục tiêu phát triển dịch vụ tư vấn ra ngoài ngành, HĐQT đã ban hành cơ chế, chính sách mới, thay đổi cơ cấu tổ chức, con người... Trong năm 2017 PSI cũng đã đạt được các thỏa thuận hợp tác quan trọng với đối tác lớn như SMBC Nikko, SCIC, Aozora Bank, PVcomBank... mở ra nhiều cơ hội phát triển.

Trong năm 2018, HĐQT sẽ tiếp tục có các thay đổi về cơ chế, chính sách, hỗ trợ nhiều hơn nữa về quan hệ, khách hàng... để hoạt động tư vấn tiếp tục là thế mạnh, ghi dấu ấn hình ảnh cho PSI trong và ngoài nước.

Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám đốc

Trong năm 2017, Hội đồng Quản trị thường xuyên giám sát hoạt động của Ban Điều hành và các bộ phận quản lý khác thông qua cơ chế phân công nhiệm vụ cụ thể, rõ ràng nhằm đánh giá hiệu quả làm việc của Ban Điều hành đảm bảo hoạt động của Công ty được minh bạch, tuân thủ đúng Pháp luật, triển khai thực hiện theo đúng các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị. Hội đồng Quản trị đã thực hiện nhiệm vụ giám sát hoạt động của Ban Điều hành thông qua:

- Tham dự và có ý kiến trực tiếp trong các cuộc họp của Ban Điều hành.
- Hội đồng Quản trị xem xét đánh giá việc thực hiện kế hoạch kinh doanh thông qua các báo cáo, văn bản của Ban Điều hành. Từ đó, Hội đồng Quản trị có biện pháp chỉ đạo kịp thời Ban Điều hành đáp ứng các yêu cầu hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Thông qua các tiểu ban giúp việc để tham gia, giám sát trực tiếp các hoạt động và nâng cao tính tuân thủ của Ban Điều hành.

Tuy đạt được một số thành công nhất định nhưng tính quyết liệt trong chỉ đạo và hành động của Ban Điều hành năm vừa qua còn chưa cao, một số nhiệm vụ trọng tâm còn chậm trễ so với tiến độ, kế hoạch đã đề ra.

CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT

Năm 2018, HĐQT sẽ tiếp tục tập trung chỉ đạo quyết liệt thực hiện các mục tiêu sau:

- Hoàn thành các chỉ tiêu kinh doanh 2018 được Đại hội đồng cổ đông giao;
- Triển khai Giai đoạn 2 – Chiến lược phát triển PSI đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 với các gói giải pháp cụ thể, phấn đấu đưa PSI trở thành Ngân hàng đầu tư chuyên sâu trong lĩnh vực Năng lượng.
- Hoàn thành đầu tư mới và đưa vào sử dụng phần mềm giao dịch chứng khoán theo hướng hiện đại, cạnh tranh.
- Tạo dựng cho mình một phân khúc thị trường riêng với hình ảnh mới năng động, chuyên nghiệp và chuyên biệt trên nền tảng là con người, công nghệ và chất lượng dịch vụ.
- Tận dụng tối đa lợi thế trong ngành Dầu khí và thế mạnh của cổ đông chiến lược SMBC

Nikko để giúp PSI phát triển nhanh và mạnh với chức năng Ngân hàng đầu tư.

- Xây dựng Văn hóa doanh nghiệp của PSI; Tiếp tục đào tạo, bổ sung nhân sự cấp cao có kinh nghiệm, trình độ và tâm huyết cho PSI;
- Xây dựng các cơ chế đặc thù để phát triển nhanh, mạnh trọng điểm phía Nam và các cụm điểm Dầu khí

QUẢN TRỊ CÔNG TY

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên và cơ cấu của Hội đồng Quản trị:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ
01	Ông Nguyễn Anh Tuấn	<i>Chủ tịch Hội đồng Quản trị</i>
02	Bà Hoàng Hải Anh	<i>UV.HĐQT chuyên trách kiêm Giám đốc Công ty</i>
03	Ông Phạm Anh Đức	<i>UV.HĐQT độc lập</i>
04	Ông Trịnh Thế Phương	<i>UV.HĐQT kiêm nhiệm</i>
05	Ông Đào Quốc Bảo	<i>UV.HĐQT kiêm nhiệm</i>

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm 2017, Hội đồng Quản trị thường xuyên giám sát hoạt động của Ban Điều hành và các bộ phận quản lý khác thông qua cơ chế phân công nhiệm vụ cụ thể, rõ ràng nhằm đánh giá hiệu quả làm việc của Ban Điều hành đảm bảo hoạt động của Công ty được minh bạch, tuân thủ đúng pháp luật, triển khai thực hiện theo đúng các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị.

Hoạt động của các thành viên HĐQT trong năm:

- **Ông Nguyễn Anh Tuấn – Chủ tịch HĐQT:**

Với tư cách Chủ tịch HĐQT, Ông Nguyễn Anh Tuấn đã triệu tập, chủ trì và chỉ đạo các phiên họp HĐQT, thảo luận và biểu quyết thông qua các nội dung lấy ý kiến HĐQT trong năm 2017; Giám sát, chỉ đạo và hỗ trợ hoạt động của Ban Điều hành và các đơn vị kinh doanh. Trực tiếp chủ trì các cuộc họp của các Tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị: Hội đồng chính sách dịch vụ tài chính, Hội đồng đầu tư, Hội đồng tuyển dụng nhân sự cấp HĐQT, Hội đồng thi đua khen thưởng,... trực tiếp chỉ đạo xây dựng chiến lược phát triển của PSI; Hỗ trợ PSI làm việc với các cơ quan quản lý Nhà nước (Bộ Công thương, SCIC, Tập đoàn Dầu Khí Việt Nam, Tập đoàn Điện lực, Tập đoàn Than – Khoáng sản v.v...) để thực hiện được các mục tiêu chiến lược đã đề ra; là cầu nối giữa PSI và Ngân

hàng mẹ PVcomBank đẩy mạnh hợp tác trong việc xây dựng các sản phẩm mới; bán chéo các sản phẩm, dịch vụ hiện có và giới thiệu khách hàng tiềm năng.

- **Bà Hoàng Hải Anh – Ủy viên HĐQT, Giám đốc Công ty:**

Với tư cách thành viên HĐQT, Bà Hoàng Hải Anh đã tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT, tham mưu và cho ý kiến biểu quyết các nội dung xin ý kiến HĐQT. Với vai trò Giám đốc Công ty, Bà Hoàng Hải Anh đã có hỗ trợ, chỉ đạo trên các mảng hoạt động thường xuyên của Công ty, trực tiếp phụ trách hoạt động Đầu tư, Quản trị rủi ro, Kiểm soát nội bộ và tham gia các tiểu ban trực thuộc HĐQT: Hội đồng chính sách dịch vụ tài chính, Hội đồng đầu tư, Hội đồng thi đua khen thưởng.

- **Ông Trịnh Thế Phương – Ủy viên HĐQT:**

Với tư cách thành viên HĐQT, Ông Trịnh Thế Phương đã tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT, tham mưu và cho ý kiến biểu quyết các nội dung xin ý kiến HĐQT; Tham mưu về pháp lý cho các phương án kinh doanh, các vấn đề về quản trị doanh nghiệp; Phổ biến quy định Pháp luật của Nhà nước có liên quan đến hoạt động của PSI.

- **Ông Đào Quốc Bảo – Ủy viên HĐQT:**

Với tư cách thành viên HĐQT, Ông Đào Quốc Bảo đã hỗ trợ PSI xây dựng các mối quan hệ với các đơn vị trong và ngoài ngành để thúc đẩy hoạt động kinh doanh, tham mưu cho HĐQT trong các phương án kinh doanh và quản trị doanh nghiệp.

- **Ông Phạm Anh Đức – Ủy viên HĐQT:**

Với tư cách thành viên HĐQT, Ông Phạm Anh Đức đã hỗ trợ PSI xây dựng các mối quan hệ với các đơn vị trong và ngoài ngành để thúc đẩy hoạt động kinh doanh, có các ý kiến tham mưu cho HĐQT trong các phương án kinh doanh và quản trị doanh nghiệp.

HỘI ĐỒNG CỦA CÁC TIỂU BAN TRONG HĐQT

Phòng Kiểm toán Nội bộ

- Thẩm định và có ý kiến về tính pháp lý và tính tuân thủ trong công tác xây dựng các quy trình, quy chế, quy định của Công ty;
- Tiến hành các hoạt động kiểm tra đối với hoạt động của các đơn vị trong công ty trong phạm vi chức năng của Kiểm toán Nội bộ;
- Có ý kiến về tính pháp lý và tính tuân thủ của các đề xuất, tờ trình của Ban Điều hành và các

- đơn vị trước HĐQT, Hội đồng Đầu tư, Hội đồng Chính sách dịch vụ tài chính khi có yêu cầu;
- Phối hợp cùng Phòng Tài chính Kế toán làm đầu mối làm việc cùng Kiểm toán độc lập thẩm định báo cáo tài chính quý, bán niên, năm của Công ty. Thẩm định và có ý kiến đối với BCTC hoặc khi có quan điểm khác với Kiểm toán độc lập;
- Thực hiện các chỉ đạo của Chủ tịch HĐQT trong việc kiểm tra, thẩm định các hồ sơ, dự án đầu tư của PSI hoặc của các Doanh nghiệp mà PSI là cổ đông lớn và có cử Người đại diện;
- Duy trì việc xem xét đánh giá tình hình thực hiện các Nghị quyết, Quyết định, chỉ đạo của HĐQT;
- Giám sát và đánh giá hoạt động của Quản trị rủi ro trong toàn hệ thống;
- Cử cán bộ tham gia các khóa tập huấn, đào tạo nghiệp vụ nhằm đảm bảo hoàn thành tốt chức năng, nhiệm vụ của Kiểm toán Nội bộ.

Hội đồng chính sách dịch vụ tài chính

- Phê duyệt phương pháp tính danh mục; Phê duyệt điều chỉnh danh mục ký quỹ; giao dịch ký quỹ trọng tâm theo từng thời kỳ;
- Phê duyệt chính sách lãi suất; chính sách khách hàng; chính sách ưu đãi cho các khách hàng mới theo đề xuất của các đơn vị kinh doanh thuộc Khối DVCK và phù hợp với từng thời kỳ;
- Quyết định thành lập các Tổ công tác thực hiện mục tiêu xây dựng sản phẩm mới và phát triển chính sách marketing cho Khối DVCK;
- Thông qua phương án tách danh mục làm hai loại: Danh mục ký quỹ cơ bản và danh mục ký quỹ bổ sung;
- Xem xét đề nghị của các đơn vị kinh doanh thuộc Khối DVCK về việc giải ngân cho vay đối với danh mục các cổ phiếu cụ thể theo đề xuất của các đơn vị;
- Xem xét phê duyệt triển khai sản phẩm đánh giá đối với quyền đã được thực hiện trên tài khoản; Xem xét phương án triển khai chức năng hệ thống đối với cổ phiếu phong tỏa.

Hội đồng đầu tư

- Phê duyệt chiến lược, kế hoạch đầu tư trong năm;
- Phê duyệt các phương án đầu tư trên cơ sở xem xét điều kiện đầu tư, nguồn vốn, quản trị rủi ro

và giám sát khoản đầu tư.

BAN KIỂM SOÁT

Thành viên và cơ cấu Ban Kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát hiện nay gồm 03 thành viên, cụ thể:

- Ông Nguyễn Văn Nhiệm - Trưởng ban kiểm soát (Chuyên trách);
- Ông Bùi Thế Anh - Thành viên Ban kiểm soát (Không chuyên trách);
- Bà Phạm Thu Thủy - Thành viên Ban kiểm soát (Không chuyên trách).

Hoạt động của Ban Kiểm soát

1. Tổng kết các cuộc họp trong năm:

- ✓ Phiên họp thứ nhất (17/03/2017) - Nội dung các quyết định:
 - Tổng kết đánh giá hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2016.
 - Thông qua phân công thực hiện thẩm tra Báo cáo tài chính năm 2016 trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017.
 - Thông qua kế hoạch kiểm tra, giám sát năm 2017.
 - Thông qua các công việc khác có liên quan đến Ban Kiểm soát năm 2017.
- ✓ Phiên họp thứ hai (26/04/2017) - Nội dung các quyết định:
 - Bầu Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí, nhiệm kỳ 2017-2022 và thông qua kế hoạch phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Ban Kiểm soát trong nhiệm kỳ 2017-2022.
 - Thông qua các công việc khác có liên quan đến Ban Kiểm soát

2. Công tác kiểm soát trong năm 2017:

- Đã thẩm định Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2016, Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động của Hội đồng Quản trị, của Ban Giám đốc năm 2016, đã trình ĐHCĐ thường niên ngày 26/04/2017.

- Trong năm 2017 Ban Kiểm soát đã kết hợp với Phòng QTRR-KSNB và Phòng KTNB thực hiện 05 cuộc kiểm tra về các mặt hoạt động nghiệp vụ Môi giới, Dịch vụ tài chính đối với các Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, Vũng Tàu, và Đà Nẵng.
- Kiểm tra công tác hạch toán kế toán nội bộ năm 2017 giữa Hội sở và các Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, Vũng Tàu, Đà Nẵng và giữa các Chi nhánh với nhau.
- Phối hợp cùng với các bộ phận liên quan trong hệ thống kiểm soát của Công ty, tham gia xây dựng các quy trình, quy chế liên quan đến hệ thống quản trị rủi ro, kiểm toán nội bộ của Công ty theo quy định mới của UBCKNN.
- Định kỳ họp giao ban hàng tháng với Phòng QTRR-KSNB và Phòng KTNB, nhằm kiểm điểm công tác kiểm tra, kiểm soát qua đó chấn chỉnh, đôn đốc các đơn vị bộ phận trong công ty về khắc phục những kiến nghị của khối kiểm soát.

3. Kế hoạch hoạt động năm 2018:

- Tiếp tục thực hiện công tác giám sát Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty.
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính năm 2018.
- Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính 6 tháng và cả năm 2018, báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT.
- Trình các báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông năm 2018.
- Tập trung kiểm tra, rà soát hoạt động môi giới chứng khoán tại các Chi nhánh Đà Nẵng, Hồ Chí Minh, Vũng Tàu và các Phòng thuộc Khối DVCK tại Hội sở;
- Kiểm tra công tác hạch toán kế toán nội bộ năm 2018 giữa Hội sở và các Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, Vũng Tàu, Đà Nẵng và giữa các Chi nhánh với nhau.
- Kiểm tra, giám sát các danh mục đầu tư tự doanh và nhận ủy thác đầu tư các năm trước đây của công ty, cũng như trong năm 2018 (nếu có).
- Tiếp tục thực hiện kiểm tra, rà soát việc khắc phục các tồn tại, hạn chế, rủi ro trong hoạt động kinh doanh của Công ty.

- Thực hiện rà soát các văn bản, chế độ, quy trình nghiệp vụ và đề xuất sửa đổi cho phù hợp với thực tế hoạt động của Công ty.
- Tiếp tục phối hợp với các đơn vị trong và ngoài công ty trong việc theo dõi và xử lý theo thẩm quyền về các khiếu nại của cổ đông và khách hàng.

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

LƯƠNG, THUỞNG, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

STT	Chức danh	Số thành viên	Quỹ thù lao năm 2017	
			Nếu hoàn thành 100% KH	Thực hiện (hoàn thành 100% KH)
	Đại diện của PVcomBank		1,288,896,000	1,121,981,100
1	Chủ tịch HĐQT kiêm nhiệm	1	60,000,000	60,000,000
2	UV HĐQT chuyên trách kiêm Giám đốc	1	724,680,000	601,723,100
3	UV HĐQT kiêm nhiệm	1	48,000,000	48,000,000
4	Trưởng BKS chuyên trách	1	432,216,000	388,258,000
5	TV BKS kiêm nhiệm	1	24,000,000	24,000,000
	Đại diện các cổ đông		120,000,000	104,000,000
1	UV HĐQT kiêm nhiệm	2	96,000,000	80,000,000
2	TV BKS kiêm nhiệm	1	24,000,000	24,000,000
Tổng cộng			1,408,896,000	1,225,981,100

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

Không có

CÁC GIAO DỊCH KHÁC

Không có

VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Đã thực hiện theo quy định Pháp luật và các quy định nội bộ của PSI.

Trên cơ sở tuân thủ Luật Chứng khoán 2006 (được sửa đổi, bổ sung năm 2010), Luật Doanh nghiệp 2014 và các quy định nội bộ, Công ty đã thực hiện các quy định về quản trị Công ty, cụ thể như sau:

- Tuân thủ các quy tắc về quản trị Công ty theo Luật Doanh nghiệp 2014 và Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị, và nguyên tắc phối hợp giữa Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát: Tổ chức họp Hội đồng Quản trị theo định kỳ tối thiểu 01 lần/Quý; Thực hiện xin ý kiến Hội đồng Quản trị đối với các vấn đề trong phạm vi thẩm quyền bằng nhiều hình thức (lấy ý kiến bằng văn bản hoặc tổ chức họp lấy ý kiến); đảm bảo đủ tỷ lệ thành viên Hội đồng Quản trị tham gia dự họp và đảm bảo đủ các tỷ lệ thông qua các Quyết định và Nghị quyết của Hội đồng Quản trị; thực hiện soạn thảo và ban hành các Biên bản và Nghị quyết Hội đồng Quản trị theo đúng thể thức và đúng thời hạn theo quy định Pháp luật và quy định nội bộ; thực hiện công bố thông tin đúng hạn và kịp thời đối với các nội dung cần công bố theo quy định của Pháp luật về công bố thông tin.
- Xây dựng hoàn thiện hệ thống phân quyền, ủy quyền: trên cơ sở các quy định Pháp luật và quy định từ Ngân hàng Mẹ, Công ty đã hoàn thiện việc xây dựng hệ thống phân quyền, ủy quyền rõ ràng, phù hợp và minh bạch nhằm đảm bảo các thẩm quyền ký kết của Hội đồng Quản trị/Chủ tịch Hội đồng Quản trị, đảm bảo thẩm quyền hoạt động và ký kết của các Phó Giám đốc phụ trách các mảng dịch vụ chứng khoán, tư vấn và vận hành. Ngoài ra, để đảm bảo các hoạt động trong từng thời kỳ phát triển cụ thể của Công ty, các văn bản này cũng được chỉnh lý và bổ sung cần thiết, phân công lại các hoạt động trong Ban Giám đốc và thay đổi các ủy quyền cần thiết.
- Hoàn thiện lại các quy trình, quy chế thuộc thẩm quyền ban hành của Hội đồng Quản trị: sửa đổi bổ sung Quy chế môi giới phát triển khách hàng phù hợp với Điều lệ Công ty sau khi sửa đổi và thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên 2017 và định hướng hoạt động mới.
- Ban hành các Nghị quyết quyết định các vấn đề quan trọng của Công ty: quyết định việc cử các đại diện vốn góp của Công ty tham gia vào quản trị và kiểm soát tại các công ty thành viên và các công ty có vốn góp; đưa ra các yêu cầu và các quyết định liên quan đến đầu tư tài chính, thoái vốn các khoản đầu tư OTC và các quyết định trích lập dự phòng nhằm cân đối tài chính của Công ty; quyết định các chính sách liên quan đến việc miễn lãi cho khách hàng, giải quyết các khoản đầu tư tồn đọng của các khách hàng từ các giai đoạn trước, lành mạnh hóa tình hình tài chính của Công ty và các nội dung khác...

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Xin xem Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017 đính kèm)

- Ý kiến kiểm toán
- Báo cáo tài chính được kiểm toán

(Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính; Báo cáo kết quả hoạt động; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định của Pháp luật về kế toán và kiểm toán).

**Xác nhận của Đại diện theo Pháp luật của Công ty
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



Nguyễn Anh Tuấn

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

(đã được kiểm toán)



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ

Số 18 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm,
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-42
Báo cáo tình hình tài chính	06-09
Báo cáo kết quả hoạt động	10-12
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	13-15
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	16
Thuyết minh Báo cáo tài chính	17-42



1. ...

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ

Số 18 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm,
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí được thành lập và hoạt động theo Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 26/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 19 tháng 12 năm 2006 và Giấy phép điều chỉnh số 15/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 18 tháng 02 năm 2011.

Trụ sở của Công ty tại: Số 18 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

(Được bầu lại theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 số 01/NQ-ĐHĐCĐ-CKDK ngày 26 tháng 04 năm 2017)

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch
Bà Hoàng Hải Anh	Ủy viên
Ông Trịnh Thế Phương	Ủy viên
Ông Đào Quốc Bảo	Ủy viên
Ông Phạm Anh Đức	Ủy viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Hoàng Hải Anh	Giám đốc	
Ông Trần Hùng Dũng	Phó Giám đốc	Nghỉ chế độ hưu trí ngày 01/10/2017
Ông Nguyễn Xuân Hưng	Phó Giám đốc	
Ông Đặng Minh Quang	Phó Giám đốc	
Bà Thái Việt Anh	Phó Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 25/05/2017

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Nguyễn Văn Nhiệm	Trưởng ban
Ông Bùi Thế Anh	Ủy viên
Bà Phạm Thu Thủy	Ủy viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ

Số 18 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm,
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định pháp lý của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.



PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Xuân Hương

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2018

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí được lập ngày 28 tháng 03 năm 2018, từ trang 06 đến trang 42, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại Thuyết minh số 5 - "Các loại tài sản tài chính" phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, tại ngày 31/12/2017, tài sản tài chính sẵn sàng để bán của Công ty bao gồm các khoản đầu tư và ủy thác quản lý danh mục đầu tư với giá trị sổ sách là 222.589.956.244 đồng. Căn cứ trên cơ sở thông tin thu thập được từ báo giá của các công ty chứng khoán và đánh giá của Ban Giám đốc, Công ty đã đánh giá giảm đối với các khoản đầu tư vào cổ phiếu chưa niêm yết với số tiền lũy kế là 12.500.000.000 đồng. Công ty tin tưởng rằng các cơ sở thu thập được đã phản ánh thông tin về giao dịch trên thị trường của các khoản đầu tư này.

Như trình bày tại Thuyết minh số 6 - "Các khoản phải thu ngắn hạn" phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, số dư các khoản phải thu khác tại ngày 31/12/2017 bao gồm 35.000.000.000 đồng phải thu một nhóm các nhà đầu tư tại TP. Hồ Chí Minh theo các hợp đồng hợp tác đầu tư. Tại ngày 31/12/2017, các nhà đầu tư đã sử dụng giá trị các cổ phiếu sở hữu, tiền mặt và các giấy chứng nhận quyền sử dụng các lô đất tại TP. Hồ Chí Minh (Công ty đã ký hợp đồng với một công ty thẩm định giá độc lập để định giá các quyền sử dụng đất này) và một số tài sản khác với tổng giá trị 49.071.073.952 đồng để đảm bảo khả năng thanh toán cho số dư nợ này. Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng, giá trị quyền sử dụng đất nêu trên đã được định giá phù hợp với giá thị trường, tài sản bảo đảm có tính thanh khoản cao và Công ty có thể kiểm soát và thanh lý tài sản để thu hồi nợ, đồng thời giá trị có thể thu hồi đủ để bù đắp số dư các khoản phải thu có liên quan. Do đó, Công ty không trích lập dự phòng phải thu khó đòi đối với khoản phải thu này. Tuy nhiên, chúng tôi xin lưu ý khả năng thu hồi khoản phải thu nêu trên sẽ phụ thuộc vào tình hình tài chính, khả năng thanh toán của nhà đầu tư cũng như khả năng xử lý tài sản đảm bảo của nhà đầu tư và Công ty.

Vấn đề nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến chấp nhận toàn phần của chúng tôi.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán bởi Kiểm toán viên và Công ty Kiểm toán Công ty TNHH Deloitte Việt Nam. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính này tại ngày 23 tháng 03 năm 2017.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biển

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2018-002-1

Trương Thị Hoài Anh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2446-2018-002-1

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2018

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		624.933.701.102	617.256.707.891
110	I. Tài sản tài chính		621.213.505.824	611.880.168.085
111	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	51.287.862.886	97.045.292.907
111.1	1.1 Tiền		51.187.862.886	16.945.292.907
111.2	1.2 Các khoản tương đương tiền		100.000.000	80.100.000.000
112	2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	5	29.897.657.650	30.728.161.393
114	3. Các khoản cho vay	5	278.868.791.097	213.332.950.999
115	4. Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	5	210.089.956.244	227.608.056.244
116	5. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp		-	(14.138.078.713)
117	6. Các khoản phải thu	6	10.184.860.192	10.487.697.860
117.2	6.1 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		10.184.860.192	10.487.697.860
117.3	6.1.1 Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận		9.902.200.592	10.088.371.592
117.4	6.1.2 Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		282.659.600	399.326.268
119	7. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	6	8.869.006.471	13.088.024.570
122	8. Các khoản phải thu khác	6	43.692.401.750	43.676.471.911
129	9. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	7	(11.677.030.466)	(9.948.409.086)
130	II. Tài sản ngắn hạn khác		3.720.195.278	5.376.539.806
131	1. Tạm ứng		263.985.000	1.846.106.000
132	2. Vật tư văn phòng, công cụ, dụng cụ	8	461.344.516	158.947.309
133	3. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	197.284.341	596.393.024
137	4. Tài sản ngắn hạn khác	11	3.006.581.421	2.984.093.473
139	5. Dự phòng suy giảm giá trị tài sản ngắn hạn khác		(209.000.000)	(209.000.000)
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		22.301.432.595	23.227.455.438
220	II. Tài sản cố định		789.293.398	1.106.042.831
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	384.076.718	487.640.602
222	- Nguyên giá		17.431.964.052	18.295.040.030
223a	- Giá trị hao mòn lũy kế		(17.047.887.334)	(17.807.399.428)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	405.216.680	618.402.229
228	- Nguyên giá		14.669.492.695	14.549.492.695
229a	- Giá trị hao mòn lũy kế		(14.264.276.015)	(13.931.090.466)
250	V. Tài sản dài hạn khác		21.512.139.197	22.121.412.607
251	1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	10	1.424.890.000	1.767.779.710
252	2. Chi phí trả trước dài hạn	9	9.788.465.185	10.873.471.128
254	3. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	14	10.298.784.012	9.480.161.769
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		647.235.133.697	640.484.163.329

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT				
005	1. Ngoại tệ các loại		4,25	6.140,75
006	2. Cổ phiếu đang lưu hành		59.841.300	59.841.300
008	3. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của công ty chứng khoán (*)		2.109.596	1.614.441
009	4. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của công ty chứng khoán (*)		160	-
012	5. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của công ty chứng khoán (*)		19.904.784	16.406.728
B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
021	1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư (*)		1.788.058.867	1.573.521.691
021.1	a. Tài sản tài chính giao dịch dự do chuyển nhượng		1.586.793.257	1.520.965.386
021.2	b. Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng		177.084.963	26.261.660
021.3	c. Tài sản tài chính giao dịch cầm cố		17.040.000	23.404.678
021.4	d. Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ		35.927	35.927
021.5	e. Tài sản tài chính chờ thanh toán		7.104.720	2.854.040
022	2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư (*)		2.358.465	-
022.1	a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng		2.358.465	-
023	3. Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	20	2.920.997	-

(*) Phản ánh số lượng các tài sản của Công ty chứng khoán và khách hàng tại thời điểm 31/12/2017.

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
026	4. Tiền gửi của khách hàng	21	317.081.653.445	225.367.043.907
027	4.1 Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		302.515.286.894	210.672.870.941
029	4.2 Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		14.482.973.976	14.694.172.966
029.1	a. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán Nhà đầu tư trong nước		14.024.789.788	14.237.380.126
029.2	b. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán Nhà đầu tư nước ngoài		458.184.188	456.792.840
030	4.3 Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán		83.392.575	-
031	6. Phải trả Nhà đầu tư về tiền giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	22	316.998.260.870	225.283.651.332
031.1	6.1 Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		316.540.076.682	224.826.858.492
031.2	6.2 Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		458.184.188	456.792.840
035	7. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	23	83.392.575	83.392.575

Trần Thị Minh Hiền
Người lập

Đinh Thị Lan Phương
Kế toán trưởng



PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Xuân Hưng

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Năm 2017

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
01	1.1	Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	7.311.995.986	4.656.204.997
01.1	a.	Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	25.a) 6.284.908	2.802.633.807
01.2	b.	Chênh lệch tăng về đánh giá lại các TSTC FVTPL	25.b) 3.657.613.040	-
01.3	c.	Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	25.c) 3.648.098.038	1.853.571.190
03	1.2	Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	25.c) 31.353.616.908	29.102.695.683
04	1.3	Lãi từ tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	1.266.801.005	397.918.987
06	1.4	Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	25.666.836.519	17.658.238.469
07	1.5	Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	64.297.182	47.770.454
08	1.6	Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	100.000.000	-
09	1.7	Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	8.470.078.463	8.383.694.158
10	1.8	Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	9.926.524.863	16.792.430.789
11	1.9	Thu nhập hoạt động khác	25.d) 4.530.794.711	5.966.853.135
20		Cộng doanh thu hoạt động	88.690.945.637	83.005.806.672
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
21	2.1	Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	9.497.345.691	885.944.028
21.1	a.	Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	25.a) 15.386.664	885.944.028
21.2	b.	Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	25.b) 9.481.959.027	-
24	2.2	Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	(14.138.078.713)	-
26	2.3	Chi phí hoạt động tự doanh	1.144.757.789	1.031.705.408
27	2.4	Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	23.324.344.191	21.450.840.017
30	2.5	Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	8.958.221.395	8.597.081.750
31	2.6	Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	9.939.779.426	10.469.645.253
32	2.7	Chi phí các dịch vụ khác	26 5.567.260.677	11.471.192.213
40		Cộng chi phí hoạt động	44.293.630.456	53.906.408.669

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Năm 2017

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
	III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	27		
41	3.1 Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện		31.915.295	5.420.778
42	3.2 Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định		2.494.712.714	5.067.018.360
50	Cộng doanh thu hoạt động tài chính		2.526.628.009	5.072.439.138
	IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH	28		
51	4.1 Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện		39.715.028	6.412.818
60	Cộng chi phí tài chính		39.715.028	6.412.818
62	VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	29	29.225.321.085	28.341.327.015
70	VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG		17.658.907.077	5.824.097.308
	VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC			
71	8.1 Thu nhập khác		92.739.453	1
72	8.2 Chi phí khác		6.000.025	812.403.962
80	Cộng kết quả hoạt động khác		86.739.428	(812.403.961)
90	IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		17.745.646.505	5.011.693.347
91	9.1 Lợi nhuận đã thực hiện		23.569.992.492	5.011.693.347
92	9.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		(5.824.345.987)	-
100	X. CHI PHÍ THUẾ TNDN	29	-	-
200	XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		17.745.646.505	5.011.693.347

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Năm 2017

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
300	XII. THU NHẬP (LỖ) TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN			
301	12.1 Lãi/(Lỗ) từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán		(12.500.000.000)	-
400	Tổng thu nhập toàn diện		(12.500.000.000)	-
500	XIII. THU NHẬP THUẬN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG			
501	13.1 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	30	297	84

Trần Thị Minh Hiền
Người lập

Đinh Thị Lan Phương
Kế toán trưởng



PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Xuân Hưng

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2017

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp		17.745.646.505	5.011.693.347
02	2. Điều chỉnh cho các khoản		(14.489.347.405)	8.101.811.101
03	- Khấu hao tài sản cố định		506.749.433	964.800.357
04	- Các khoản dự phòng		(12.409.457.333)	9.388.500.921
05	- Lãi (lỗ) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		55.027	-
07	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(2.586.694.532)	-
08	- Dự thu tiền lãi		-	(2.251.490.177)
10	3. Tăng các chi phí phi tiền tệ		9.481.959.027	-
11	- Lỗ đánh giá giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL		9.481.959.027	-
18	4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ		(3.657.613.040)	-
19	- Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL		(3.657.613.040)	-
30	5. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		9.080.645.087	13.113.504.448
31	- Tăng (giảm) tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL		(4.993.842.244)	(2.785.285.759)
33	- Tăng (giảm) các khoản cho vay		(65.535.840.098)	(19.727.428.935)
34	- Tăng (giảm) tài sản tài chính sẵn sàng để bán AFS		5.018.100.000	11.650.083.463
35	- (-) Tăng, (+) giảm phải thu bán các tài sản tài chính		-	61.941.300
36	- (-) Tăng, (+) giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		302.837.668	(186.087.620)
37	- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp		4.402.886.454	(7.523.814.186)
39	- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu khác		(15.929.839)	10.780.523.282
40	- Tăng (giảm) các tài sản khác		438.613.602	2.394.385.639
41	- Tăng (giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)		(191.372.460)	-
42	- Tăng (giảm) chi phí trả trước		1.484.114.626	-
45	- Tăng, (giảm) phải trả cho người bán		(1.989.000)	(612.656.558)
46	- Tăng, (giảm) các khoản trích nộp phúc lợi nhân		(415.074.294)	-
47	- Tăng, (giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN)		(155.867.570)	(602.865.114)
48	- Tăng, (giảm) phải trả người lao động		(19.156.148)	-
50	- Tăng, (giảm) phải trả, phải nộp khác		2.271.064.980	(483.825.676.025)
51	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		551.449.710	(105.750.000)
52	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(374.710.000)	(458.228.298)
60	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(48.154.069.526)	(477.827.354.363)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2017

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
61	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác		(190.000.000)	(628.139.000)
62	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác		91.981.818	-
65	5. Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn		2.494.712.714	2.141.130.176
70	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		2.396.694.532	1.512.991.176
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
80	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		-	-
90	IV. Tăng (giảm) tiền thuần trong năm		(45.757.374.994)	(476.314.363.187)
101	V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		97.045.292.907	573.359.656.094
101.1	- Tiền		16.945.292.907	569.109.656.094
101.2	- Các khoản tương đương tiền		80.100.000.000	4.250.000.000
102	- Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(55.027)	-
103	VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm		51.287.862.886	97.045.292.907
103.1	- Tiền		51.187.862.886	16.945.292.907
103.2	- Các khoản tương đương tiền		100.000.000	80.100.000.000

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

Năm 2017

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
	I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
01	1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng		6.808.602.581.100	4.285.171.962.500
02	2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng		(5.424.863.667.900)	(3.734.942.523.000)
07	3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		(1.285.470.560.720)	(476.210.925.075)
11	4. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng		(8.470.078.463)	(9.354.469.159)
14	5. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán		985.991.907.314	-
15	6. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán		(984.075.571.793)	-
20	Tăng/giảm tiền thuần trong năm		91.714.609.538	64.664.045.266
30	II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng		225.367.043.907	160.702.998.641
31	Tiền gửi ngân hàng đầu năm:		225.367.043.907	160.702.998.641
32	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		210.672.870.941	158.628.463.725
34	- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		14.694.172.966	2.074.534.916
40	III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng		317.081.653.445	225.367.043.907
41	Tiền gửi ngân hàng cuối năm:		317.081.653.445	225.367.043.907
42	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		302.515.286.894	210.672.870.941
44	- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		14.482.973.976	14.694.172.966
45	- Tiền gửi của Tổ chức phát hành		83.392.575	-

Trần Thị Minh Hiền
Người lập

Đinh Thị Lan Phương
Kế toán trưởng



PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Xuân Hùng

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2018

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Năm 2017

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm				Số dư cuối năm	
		01/01/2016	01/01/2017	Năm 2016		Năm 2017		31/12/2016	31/12/2017
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
		VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		665.852.970.360	665.852.970.360	-	-	-	-	665.852.970.360	665.852.970.360
1.1 Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		598.413.000.000	598.413.000.000	-	-	-	-	598.413.000.000	598.413.000.000
1.2 Thặng dư vốn cổ phần		67.439.970.360	67.439.970.360	-	-	-	-	67.439.970.360	67.439.970.360
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		3.375.291.013	3.375.291.013	-	-	-	-	3.375.291.013	3.375.291.013
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		3.364.941.013	3.364.941.013	-	-	-	-	3.364.941.013	3.364.941.013
4. Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý		-	-	-	-	(12.500.000.000)	-	-	(12.500.000.000)
5. Lợi nhuận chưa phân phối		(74.203.979.364)	(69.192.286.017)	5.011.693.347	-	17.745.646.505	500.000.000	(69.192.286.017)	(51.946.639.512)
5.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		(74.203.979.364)	(69.192.286.017)	5.011.693.347	-	23.569.992.492	500.000.000	(69.192.286.017)	(46.122.293.525)
5.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		-	-	-	-	(5.824.345.987)	-	-	(5.824.345.987)
TỔNG CỘNG		598.389.223.022	603.400.916.369	5.011.693.347	-	5.245.646.505	500.000.000	603.400.916.369	608.146.562.874
II. Thu nhập toàn diện khác									
1. Lãi/lỗ từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán		-	-	-	-	(12.500.000.000)	-	-	(12.500.000.000)
TỔNG CỘNG		-	-	-	-	(12.500.000.000)	-	-	(12.500.000.000)

Trần Thị Minh Hiền
Người lập

Đinh Thị Lan Phương
Kế toán trưởng



PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Xuân Hương

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2018



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*Năm 2017***1 . THÔNG TIN CHUNG****1.1 . Đặc điểm hoạt động của Công ty Chứng khoán**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí được thành lập và hoạt động theo Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 26/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 19 tháng 12 năm 2006 và Giấy phép điều chỉnh số 15/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 18 tháng 02 năm 2011.

Trụ sở của Công ty tại: Số 18 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 598.413.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 598.413.000.000 đồng; tương đương 59.841.300 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Cổ phiếu của Công ty chính thức đăng ký giao dịch tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) từ ngày 21 tháng 07 năm 2010 với mã giao dịch là PSI.

Các đơn vị trực thuộc của Công ty như sau:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>
Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	Lầu 1 tòa nhà PVFCCo, số 43 Mạc Đĩnh Chi, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Chi nhánh Vũng Tàu	Tầng 5, tòa nhà Silver Sea, số 47 Ba Cu, TP. Vũng Tàu
Chi nhánh Đà Nẵng	Tầng 3, số 19-21 Nguyễn Văn Linh, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng

1.2 . Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm: Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Tư vấn tài chính; Tư vấn đầu tư chứng khoán; Lưu ký chứng khoán; Bảo lãnh phát hành chứng khoán.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ kế toán đối với công ty chứng khoán ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán (thay thế cho Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008, Quyết định số 99/2000/QĐ-BTC ngày 13 tháng 06 năm 2000, Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010); Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ tài chính, sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC.

Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 có hiệu lực thi hành từ năm tài chính 2016, riêng các quy định về giá trị hợp lý có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, do đó Công ty không thực hiện điều chỉnh hồi tố các chỉ tiêu liên quan đến giá trị hợp lý trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2016.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 . Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

Trong báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ.

2.4 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi hoạt động của công ty chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn hoặc thu hồi không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi về bán chứng khoán bảo lãnh phát hành là khoản tiền gửi thu được do bán chứng khoán bảo lãnh phát hành tại ngân hàng thương mại chỉ định do Công ty thực hiện chức năng - Tổ chức bảo lãnh phát hành chứng khoán (bảo lãnh chính hoặc phụ) (kể cả tiền thu được từ các Đại lý bán chứng khoán) và tiền gửi thanh toán gốc, tiền lãi và cổ tức của Tổ chức phát hành.

Tiền gửi về bù trừ thanh toán giao dịch chứng khoán là số tiền sẵn sàng tham gia bù trừ và thanh toán của Công ty và khách hàng tại ngày T+x theo yêu cầu của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD), được mở tại Ngân hàng chỉ định để thanh toán mua, bán chứng khoán theo kết quả đã bù trừ thuần (net).

Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua bán chứng khoán được trình bày tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính (ngoại bảng).

2.5 . Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

a) Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL), các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM), các khoản cho vay, các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) và các khoản phải thu. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó, ngoại trừ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) chỉ được xác định theo giá mua/chi phí phát hành.

1111
ÔNG
KIỂM
AS
KIỂM

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

b) Nguyên tắc phân loại

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL): tài sản tài chính được phân loại theo FVTPL khi tài sản tài chính đó được nắm giữ cho mục đích mua vào, bán ra trên thị trường tài chính thông qua hoạt động nghiên cứu và phân tích với kỳ vọng sinh lời. Các loại tài sản tài chính được phân loại nhóm khác khi bán cần phân loại lại vào FVTPL.

Các tài sản tài chính FVTPL là công cụ nợ khi đáo hạn phải được chuyển sang ghi nhận là các khoản phải thu và lập dự phòng như một khoản phải thu khó đòi (nếu có).

Các khoản cho vay: là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo.

Các dạng cam kết cho vay được thực hiện:

- Hợp đồng giao dịch ký quỹ;
- Hợp đồng ứng trước tiền bán chứng khoán.

Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được xác định theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực, ngoại trừ: các khoản cho vay các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ; các công nợ tài chính phát sinh từ việc chuyển giao một tài sản tài chính không đủ điều kiện dừng ghi nhận hoặc khi phù hợp theo quy định về tiếp tục liên quan; các hợp đồng bảo lãnh tài chính.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS): là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- Các khoản cho vay và các khoản phải thu;
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn;
- Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Tài sản tài chính được Công ty đầu tư nhưng không có mục tiêu đầu tư ngắn hạn và kể cả mục tiêu dài hạn cũng chưa xác định được. Do vậy đây là loại tài sản tài chính hạn chế được phân loại trong hoạt động của Công ty.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua lãi/lỗ: là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh;
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm được ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ: là các khoản nợ phải trả tài chính không được xếp loại vào nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

c) Nguyên tắc đánh giá lại các tài sản tài chính

Việc đánh giá lại các tài sản tài chính FTVPL và AFS theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý được thực hiện theo phương pháp xác định giá trị phù hợp với quy định pháp luật. Trong trường hợp không có giá thị trường tại ngày giao dịch gần nhất, Công ty sử dụng giá trị hợp lý để đánh giá lại các tài sản tài chính. Giá trị hợp lý được xác định trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc, phương pháp hoặc mô hình lý thuyết định giá tài sản tài chính đã được quy định tại Điều lệ hoặc Sổ tay định giá của Công ty hoặc sau khi đã được Ban Giám đốc chấp thuận bằng văn bản.

Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của tài sản tài chính được xác định theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC như sau:

- Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.
- Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa bình quân tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường làm cơ sở để đánh giá lại là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của ba (03) công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm đánh giá lại nhưng không quá một tháng tính đến ngày đánh giá lại.

Chênh lệch tăng hoặc giảm do đánh giá lại FVTPL được ghi nhận theo nguyên tắc không bù trừ và được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động theo 02 chỉ tiêu: chỉ tiêu "Lỗ và chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính, hoạt động tự doanh FVTPL" - Chi tiết "Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ" (nếu đánh giá giảm) và chỉ tiêu "Thu nhập" - Chi tiết "Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ" (nếu đánh giá tăng).

Chênh lệch tăng hoặc giảm do đánh giá lại AFS được ghi nhận theo nguyên tắc không bù trừ, được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu của Báo cáo tình hình tài chính tại chỉ tiêu "Chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính theo giá trị hợp lý".

Các khoản cho vay được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng cho các khoản cho vay được trích lập dựa trên mức tổn thất ước tính, được tính bằng phần chênh lệch giữa giá trị thị trường của chứng khoán được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản cho vay và số dư của khoản cho vay đó. Tăng hoặc giảm số dư khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

2.6 . Các khoản nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn, dài hạn

Các khoản nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn, dài hạn phản ánh khoản tiền nhận ký quỹ, ký cược bằng tiền của Công ty với các đối tượng trong hoạt động của Công ty phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan hiện hành. Các khoản tiền nhận ký quỹ, ký cược không thuộc tài sản của Công ty, Công ty phải có trách nhiệm quản lý tách biệt với tài sản bằng tiền của Công ty.

2.7 . Các khoản phải thu ngắn hạn, dài hạn

Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính: phản ánh toàn bộ các khoản phải thu và dự thu về cổ tức, tiền lãi của các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty.

Phải thu các dịch vụ Công ty cung cấp: phản ánh các khoản phải thu của Công ty với Sở Giao dịch chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD), với Nhà đầu tư là khách hàng của Công ty, với Tổ chức phát hành chứng khoán hoặc bảo lãnh phát hành chứng khoán, các khoản phải thu từ các hoạt động kinh doanh giao dịch chứng khoán.

Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu: được trích lập cho các khoản nợ đã quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được trình bày trên chỉ tiêu "Chi phí quản lý công ty chứng khoán" trên Báo cáo kết quả hoạt động.

Mức trích lập dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07/12/2009 như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

2.8 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Phương tiện vận tải	10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 06 năm
- Phần mềm giao dịch, phần mềm kế toán	02 - 08 năm

2.9 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.10 . Các khoản nợ phải trả ngắn hạn, dài hạn

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản vay: phản ánh tình hình phát hành trái phiếu và thanh toán trái phiếu; phản ánh các khoản tiền vay tạm thời và tình hình trả nợ tiền vay của Công ty với Ngân hàng, Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam, Quỹ Hỗ trợ thanh toán hoặc các đối tượng cho vay khác theo quy định về hoạt động vay áp dụng đối với công ty chứng khoán.

Các khoản phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán: phản ánh tình hình thanh toán về các khoản phí hoạt động kinh doanh, dịch vụ chứng khoán cho Sở Giao dịch Chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD), phải trả đại lý phát hành chứng khoán của Công ty.

Các khoản phải trả tổ chức phát hành chứng khoán: phản ánh tình hình nhận và thanh toán khoản phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán về tiền bán chứng khoán bảo lãnh phát hành do Công ty thực hiện ở công ty bảo lãnh phát hành chứng khoán chính hoặc phụ, kể cả trường hợp công ty bảo lãnh phát hành chứng khoán bán chứng khoán phát hành qua các đại lý.

2.11 . Chi phí phải trả

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.12 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý được phản ánh khi đánh giá lại các tài sản tài chính theo giá trị hợp lý. Tài sản được đánh giá lại bao gồm: tài sản tài chính sẵn sàng để bán; tài sản cố định; hoặc đánh giá lại tài sản khi có quyết định của Nhà nước về đánh giá lại tài sản (nếu có).

Lợi nhuận chưa phân phối của Công ty bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện. Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối của Công ty lũy kế tính đến cuối năm trước là cơ sở để phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu. Lợi nhuận chưa thực hiện tính đến cuối năm trước không là cơ sở phân phối cho chủ sở hữu.

Lợi nhuận đã thực hiện là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo kết quả hoạt động của Công ty lũy kế phát sinh trong kỳ. Số lợi nhuận được sử dụng để phân phối cho các chủ sở hữu phải trừ đi số lỗ đã thực hiện lũy kế tính từ đầu kỳ này và số lỗ chưa thực hiện lũy kế tính đến thời điểm phân phối lãi cho chủ sở hữu. Việc phân phối lợi nhuận của Công ty cho chủ sở hữu phải đảm bảo rõ ràng, minh bạch và theo đúng quy định của pháp luật doanh nghiệp, chứng khoán và các pháp luật hiện hành khác có liên quan đối với công ty chứng khoán, điều lệ công ty chứng khoán, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Lợi nhuận đã thực hiện được phân phối thu nhập cho thành viên góp vốn hoặc cổ đông sau khi đã trừ đi các nghĩa vụ thuế phải nộp tính trên khoản thu nhập được hưởng.

2.13 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch của ngân hàng thương mại tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại như sau:

- Các khoản mục tài sản được đánh giá lại sử dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Các khoản mục nợ phải trả được đánh giá lại sử dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động.

2.14 . Doanh thu, thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập bán các tài sản tài chính tự doanh FVTPL được xác định là số chênh lệch giữa giá bán và giá vốn theo số lượng các tài sản tài chính FVTPL đã bán ra. Thu nhập bán các tài sản tài chính là thu nhập đã thực hiện.

Thu nhập do đánh giá tăng các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý. Thu nhập đánh giá lại các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính FVTPL là thu nhập chưa thực hiện.

Thu nhập phát sinh từ các tài sản tài chính tự doanh FVTPL, HTM, các khoản cho vay bao gồm: lãi cho vay phát sinh từ các khoản cho vay phù hợp với quy định của Luật chứng khoán; cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ cổ phiếu, lãi trái phiếu; lãi phát sinh từ các khoản tiền gửi cố định.

Cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ các tài sản tài chính thuộc danh mục đầu tư của Công ty: FVTPL, HTM, AFS được ghi nhận khi công ty được quyền nhận cổ tức từ quyền sở hữu cổ phiếu đã được xác lập.

Doanh thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh

Doanh thu được ghi nhận khi các bên tham gia Hợp đồng hợp tác kinh doanh công bố chia doanh thu cho các bên theo điều khoản quy định trong Hợp đồng.

2.15 . Chi phí hoạt động và chi phí quản lý công ty

Chi phí được ghi nhận khi có khả năng làm giảm các lợi ích kinh tế tại thời điểm phát sinh hoặc có thể xác định được một cách chắc chắn phát sinh, không phân biệt đã được thanh toán hay chưa.

2.16 . Doanh thu tài chính, chi phí hoạt động tài chính

Doanh thu tài chính bao gồm

- Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái;
- Doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng không cố định;
- Doanh thu, dự thu cổ tức.
- Doanh thu đầu tư khác;

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm

- Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái;
- Chi phí lãi vay;
- Chi phí dự phòng suy giảm giá trị các khoản đầu tư tài chính dài hạn;
- Chi phí tài chính khác (phí chuyển tiền, ...).

2.17 . Các khoản thuế

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

2.18 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM

	Khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm VND
Của Công ty Chứng khoán	23.300	839.501.360
- Cổ phiếu	23.300	839.501.360
Của nhà đầu tư	926.658.504	12.645.663.678.260
- Cổ phiếu	926.558.504	12.635.357.878.260
- Trái phiếu	100.000	10.305.800.000
	926.681.804	12.646.503.179.620

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍSố 18 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm,
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

4 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	155.377.845	107.147.877
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Công ty	50.448.774.502	16.795.139.808
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	583.710.539	43.005.222
Các khoản tương đương tiền	100.000.000	80.100.000.000
	51.287.862.886	97.045.292.907

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng, được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất 4,3%/năm.

5 . CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH**a) Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Cổ phiếu niêm yết	35.722.003.637	29.897.657.650	30.728.161.393	22.790.082.680
	35.722.003.637	29.897.657.650	30.728.161.393	22.790.082.680

b) Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Cổ phiếu chưa niêm yết	204.467.880.218	192.617.880.218	177.485.980.218	171.285.980.218
Ủy thác quản lý danh mục đầu tư	18.122.076.026	17.472.076.026	50.122.076.026	50.122.076.026
	222.589.956.244	210.089.956.244	227.608.056.244	221.408.056.244

c) Các khoản cho vay

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Hoạt động margin	245.716.850.977	195.188.155.305
Hoạt động ứng trước tiền bán	33.151.940.120	18.144.795.694
	278.868.791.097	213.332.950.999

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ

Số 18 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm,
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

d) . Bảng tình hình biến động giá trị thị trường

	Giá mua		Giá thị trường		Chênh lệch đánh giá tăng (*)		Chênh lệch đánh giá giảm (*)		Giá trị đánh giá lại	
	31/12/2017	01/01/2017	31/12/2017	01/01/2017	31/12/2017	01/01/2017	31/12/2017	01/01/2017	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
FVTPL	35.722.003.637	30.728.161.393	29.897.657.650	22.790.082.680	3.657.613.040	-	(9.481.959.027)	(7.938.078.713)	29.897.657.650	22.790.082.680
Cổ phiếu niêm yết	35.722.003.637	30.728.161.393	29.897.657.650	22.790.082.680	3.657.613.040	-	(9.481.959.027)	(7.938.078.713)	29.897.657.650	22.790.082.680
- PPY	10.280.480.051	10.282.480.000	13.930.402.700	8.945.983.800	3.649.922.649	-	-	(1.336.496.200)	13.930.402.700	8.945.983.800
- VAF	20.397.865.528	20.397.101.528	10.925.010.000	13.819.378.650	-	-	(9.472.855.528)	(6.577.722.878)	10.925.010.000	13.819.378.650
- PAI	5.018.100.000	-	5.018.100.000	-	-	-	-	-	5.018.100.000	-
- Cổ phiếu khác	25.558.058	48.579.865	24.144.950	24.720.230	7.690.391	-	(9.103.499)	(23.859.635)	24.144.950	24.720.230
AFS	222.589.956.244	227.608.056.244	210.089.956.244	221.408.056.244	-	-	(12.500.000.000)	(6.200.000.000)	210.089.956.244	221.408.056.244
Cổ phiếu chưa niêm yết	204.467.880.218	177.485.980.218	192.617.880.218	171.285.980.218	-	-	(11.850.000.000)	(6.200.000.000)	192.617.880.218	171.285.980.218
- Công ty Cổ phần Đầu tư Bê tông Công nghệ cao (**)	5.000.000.000	5.000.000.000	-	5.000.000.000	-	-	(5.000.000.000)	-	-	5.000.000.000
- Công ty Cổ phần Tư vấn Dự án Điện lực Dầu khí (**)	2.000.000.000	2.000.000.000	-	-	-	-	(2.000.000.000)	(2.000.000.000)	-	-
- Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí (**)	3.000.000.000	3.000.000.000	-	-	-	-	(3.000.000.000)	(3.000.000.000)	-	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam (**)	25.392.900.028	25.392.900.028	24.384.900.028	24.384.900.028	-	-	(1.008.000.000)	(1.008.000.000)	24.384.900.028	24.384.900.028
- Công ty Cổ phần Khí Công nghiệp Việt Nam (**)	4.800.000.000	4.800.000.000	4.608.000.000	4.608.000.000	-	-	(192.000.000)	(192.000.000)	4.608.000.000	4.608.000.000
- Công ty Cổ phần Khoáng sản Mai Linh Quảng Ngãi (**)	3.825.000.000	3.825.000.000	3.175.000.000	3.825.000.000	-	-	(650.000.000)	-	3.175.000.000	3.825.000.000
- Cổ phiếu chưa niêm yết khác	160.449.980.190	133.468.080.190	160.449.980.190	133.468.080.190	-	-	-	-	160.449.980.190	133.468.080.190
Ủy thác quản lý danh mục đầu tư	18.122.076.026	50.122.076.026	17.472.076.026	50.122.076.026	-	-	(650.000.000)	-	17.472.076.026	50.122.076.026
	258.311.959.881	258.336.217.637	239.987.613.894	244.198.138.924	3.657.613.040	-	(21.981.959.027)	(14.138.078.713)	239.987.613.894	244.198.138.924

Ghi chú:

(*) Chênh lệch đánh giá tăng và chênh lệch đánh giá giảm của các cổ phiếu tại ngày 01/01/2017 chỉ được tính toán cho mục đích trình bày theo quy định tại Thông tư số 334/2016/TT-BTC và Thông tư số 210/2014/TT-BTC mà không được ghi nhận và điều chỉnh hồi tố trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

(**) Căn cứ trên cơ sở thông tin thu thập được từ báo giá của các công ty chứng khoán và đánh giá của Ban Giám đốc, Công ty đã đánh giá giảm 12.500.000.000 đồng cho các khoản đầu tư cổ phiếu chưa niêm yết (OTC). Công ty tin tưởng rằng các cơ sở thu thập được đã phản ánh thông tin về giao dịch trên thị trường của các khoản đầu tư này. Đối với các khoản đầu tư vào cổ phiếu chưa niêm yết còn lại, do không có cơ sở xác định giá trị thị trường, giá trị đánh giá lại được ước tính bằng giá gốc của khoản đầu tư.



6 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	282.659.600	399.326.268
Phải thu lãi hoạt động Margin	2.772.478.381	2.958.649.381
Phải thu tiền lãi hợp đồng hợp tác đầu tư	7.129.722.211	7.129.722.211
Phải thu các dịch vụ Công ty chứng khoán cung cấp	8.869.006.471	13.088.024.570
- Phải thu hoạt động môi giới chứng khoán	169.945.624	48.195.242
- Phải thu hoạt động tư vấn	7.339.504.868	12.122.029.868
- Phải thu các dịch vụ tài chính khác	1.359.555.979	917.799.460
Phải thu khác	43.692.401.750	43.676.471.911
- Phải thu hợp đồng hợp tác đầu tư	35.000.000.000	35.000.000.000
- Phải thu khác	8.692.401.750	8.676.471.911
	62.746.268.413	67.252.194.341

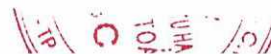
(*) Số dư phải thu hợp đồng hợp tác đầu tư trị giá 35.000.000.000 đồng là khoản phải thu một nhóm các nhà đầu tư tại TP. Hồ Chí Minh theo các hợp đồng hợp tác đầu tư. Tại ngày 31/12/2017, các nhà đầu tư đã sử dụng giá trị các cổ phiếu sở hữu, tiền mặt và các giấy chứng nhận quyền sử dụng các lô đất tại TP. Hồ Chí Minh (Công ty đã ký hợp đồng với một công ty thẩm định giá độc lập để định giá các quyền sử dụng đất này) và một số tài sản khác với tổng giá trị 49.071.073.952 đồng để đảm bảo khả năng thanh toán cho số dư nợ này. Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng, giá trị quyền sử dụng đất nêu trên đã được định giá phù hợp với giá thị trường, tài sản bảo đảm có tính thanh khoản cao và Công ty có thể kiểm soát và thanh lý tài sản để thu hồi nợ, đồng thời giá trị có thể thu hồi đủ để bù đắp số dư các khoản phải thu có liên quan. Do đó, Công ty không trích lập dự phòng phải thu khó đòi đối với khoản phải thu này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍSố 18 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm,
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

7 . DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Giá trị phải thu khó đòi	Năm nay				Năm trước	
	Số đầu năm	Số trích lập	Số hoàn nhập	Số cuối năm		
		VND	VND	VND	VND	
Dự phòng khó đòi phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi đến hạn	7.129.722.211	7.129.722.211	-	-	7.129.722.211	7.129.722.211
- Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Bảo hiểm Dầu khí	7.129.722.211	7.129.722.211	-	-	7.129.722.211	7.129.722.211
Dự phòng khó đòi phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	7.938.604.328	2.818.686.875	2.524.348.019	(1.001.275.000)	4.341.759.894	2.818.686.875
- Phải thu hoạt động môi giới	57.000.000	57.000.000	-	-	57.000.000	57.000.000
- Phải thu hoạt động tư vấn	6.800.804.868	2.278.923.460	2.278.311.974	(935.275.000)	3.621.960.434	2.278.923.460
- Phải thu các dịch vụ khác	1.080.799.460	482.763.415	246.036.045	(66.000.000)	662.799.460	482.763.415
Dự phòng khó đòi nợ phải thu khác	411.096.721	-	205.548.361	-	205.548.361	-
- Phải thu hợp đồng giao dịch ký quỹ Margin	411.096.721	-	205.548.361	-	205.548.361	-
	15.479.423.260	9.948.409.086	2.729.896.380	(1.001.275.000)	11.677.030.466	9.948.409.086



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍSố 18 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm,
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

8 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Công cụ, dụng cụ	461.344.516	158.947.309
	461.344.516	158.947.309

9 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Chi phí trả trước về thuê văn phòng	-	159.592.345
Chi phí trả trước cước leased line Internet	68.858.185	181.468.929
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	128.426.156	255.331.750
	197.284.341	596.393.024

b) Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Chi phí trả trước cước leased line Internet	118.181.818	-
Chi phí trả trước về thuê văn phòng	9.221.804.628	10.873.471.128
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	403.630.170	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	44.848.569	-
	9.788.465.185	10.873.471.128

10 . CẦM CỐ, THẺ CHẤP, KÝ QUỸ, KÝ CƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Đặt cọc thuê văn phòng	1.405.890.000	1.748.779.710
Các khoản đặt cọc khác	19.000.000	19.000.000
	1.424.890.000	1.767.779.710

11 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Chi phí xây dựng bộ chỉ số PVN-Index	2.493.246.421	2.578.518.473
Phải thu khác	513.335.000	405.575.000
	3.006.581.421	2.984.093.473

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍSố 18 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm,
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

12 . TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2017	2.896.863.700	15.398.176.330	18.295.040.030
Mua trong năm	-	70.000.000	70.000.000
Thanh lý, nhượng bán	-	(908.903.973)	(908.903.973)
Giảm khác	-	(24.172.005)	(24.172.005)
Tại ngày 31/12/2017	2.896.863.700	14.535.100.352	17.431.964.052
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2017	2.581.497.712	15.225.901.716	17.807.399.428
Khấu hao trong năm	103.966.812	69.597.072	173.563.884
Thanh lý, nhượng bán	-	(908.903.973)	(908.903.973)
Giảm khác	-	(24.172.005)	(24.172.005)
Tại ngày 31/12/2017	2.685.464.524	14.362.422.810	17.047.887.334
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2017	315.365.988	172.274.614	487.640.602
Tại ngày 31/12/2017	211.399.176	172.677.542	384.076.718

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản cố định này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

13 . TÀI SẢN CỔ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm giao dịch, kế toán VND	Khác VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2017	13.509.492.695	1.040.000.000	14.549.492.695
Mua trong năm	120.000.000	-	120.000.000
Tại ngày 31/12/2017	13.629.492.695	1.040.000.000	14.669.492.695
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2017	13.093.993.686	837.096.780	13.931.090.466
Khấu hao trong năm	130.282.329	202.903.220	333.185.549
Tại ngày 31/12/2017	13.224.276.015	1.040.000.000	14.264.276.015
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2017	415.499.009	202.903.220	618.402.229
Tại ngày 31/12/2017	405.216.680	-	405.216.680

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản cố định này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍSố 18 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm,
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

14 . TIỀN NỢP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	10.164.357.465	9.345.735.222
Tiền lãi phân bổ trong năm	14.426.547	14.426.547
Số dư cuối năm	10.298.784.012	9.480.161.769

15 . PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Phải trả Sở Giao dịch chứng khoán	394.919.864	201.783.516
Phải trả Trung tâm lưu ký chứng khoán	765.765.625	738.912.750
	1.160.685.489	940.696.266

16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢP NHÀ NƯỚC

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	68.385.681	803.664.119
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	(85.580.739)	(85.580.739)
Thuế Thu nhập cá nhân	1.003.385.502	423.974.634
	986.190.444	1.142.058.014

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

17 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Chi phí quản lý danh mục phải trả	205.778.280	279.707.282
Chi phí lãi tiền gửi phải trả nhà đầu tư	111.420.917	83.755.363
Chi phí hoạt động công ty chứng khoán	417.615.062	562.724.074
	734.814.259	926.186.719

18 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tài sản thừa chờ giải quyết	1.027.648.903	1.027.648.903
Phải trả cổ tức cho nhà đầu tư	34.105.828.270	32.054.752.513
	35.133.477.173	33.082.401.416

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍSố 18 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm,
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

19 . VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**a) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ (%)	31/12/2017 VND	Tỷ lệ (%)	01/01/2017 VND
Ngân hàng Thương mại cổ phần Đại chúng Việt Nam	51,17%	306.226.740.000	28,50%	170.558.890.000
Nikko Cordial Securities Inc.	14,90%	89.163.000.000	14,90%	89.163.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư tài chính Thành Việt	12,53%	75.000.000.000	12,53%	75.000.000.000
Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Công thương	0,00%	-	22,02%	131.737.850.000
Công ty Cổ phần Hồng Ngân	5,40%	32.317.000.000	5,40%	32.317.000.000
Vốn góp của cổ đông (dưới 5%)	16,00%	95.706.260.000	16,65%	99.636.260.000
	100%	598.413.000.000	100%	598.413.000.000

b) Lợi nhuận chưa phân phối

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối	(46.122.293.525)	(69.192.286.017)
Lợi nhuận chưa thực hiện	(5.824.345.987)	-
	(51.946.639.512)	(69.192.286.017)

c) Tình hình phân phối thu nhập cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối năm trước	(69.192.286.017)	(74.203.979.364)
Lãi đã thực hiện năm nay tính từ đầu năm	23.569.992.492	5.011.693.347
Cơ sở lợi nhuận phân phối cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn tính đến cuối năm tài chính	(45.622.293.525)	(69.192.286.017)
Số trích các quỹ từ lợi nhuận	(500.000.000)	-
- Quỹ khen thưởng phúc lợi	(500.000.000)	-
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối tính đến cuối năm tài chính	(46.122.293.525)	(69.192.286.017)

20 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHỜ VỀ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	2.920.997	-
	2.920.997	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍSố 18 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm,
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

21 . TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	302.515.286.894	210.672.870.941
1. Nhà đầu tư trong nước	302.515.286.894	210.672.870.941
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư	14.482.973.976	14.694.172.966
1. Nhà đầu tư trong nước	14.024.789.788	14.237.380.126
2. Nhà đầu tư nước ngoài	458.184.188	456.792.840
Tiền gửi của tổ chức phát hành	83.392.575	-
1. Tiền gửi bán chứng khoán bảo lãnh đại lý phát hành	83.392.575	-
	<u>317.081.653.445</u>	<u>225.367.043.907</u>

22 . PHẢI TRẢ NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
1. Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	316.998.260.870	225.283.651.332
1.1. Nhà đầu tư trong nước	316.540.076.682	224.826.858.492
1.2. Nhà đầu tư nước ngoài	458.184.188	456.792.840
	<u>316.998.260.870</u>	<u>225.283.651.332</u>

23 . PHẢI TRẢ CỔ TỨC, GỐC VÀ LÃI TRÁI PHIẾU

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu cho Nhà đầu tư	83.392.575	83.392.575
	<u>83.392.575</u>	<u>83.392.575</u>

24 . PHẢI TRẢ VAY CÔNG TY CHỨNG KHOÁN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
1. Phải trả nghiệp vụ margin	248.489.329.358	198.146.804.686
1.1 Phải trả gốc margin	245.716.850.977	195.188.155.305
<i>Nhà đầu tư trong nước</i>	245.716.850.977	195.188.155.305
1.2 Phải trả lãi margin	2.772.478.381	2.958.649.381
<i>Nhà đầu tư trong nước</i>	2.772.478.381	2.958.649.381
2. Phải trả nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	33.151.940.120	18.144.795.694
2.1 Phải trả gốc nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	33.151.940.120	18.144.795.694
<i>Nhà đầu tư trong nước</i>	33.151.940.120	18.144.795.694
	<u>281.641.269.478</u>	<u>216.291.600.380</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍSố 18 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm,
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

25 . THU NHẬP**a) Lãi, lỗ bán các tài sản tài chính**

	Số lượng bán	Tổng giá trị bán VND	Tổng giá vốn VND	Lãi, lỗ bán chứng khoán năm nay		Lãi, lỗ bán chứng khoán năm trước	
				Lãi VND	Lỗ VND	Lãi VND	Lỗ VND
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)							
Cổ phiếu niêm yết		798.090.710	807.192.466	6.284.908	15.386.664	2.802.633.807	885.944.028
- Công ty CP Tập đoàn Hòa Phát	-	-	-	-	-	594.303.329	-
- Công ty CP Vận tải Dầu khí	-	-	-	-	-	587.043.209	-
- Công ty CP Đường Biên Hòa	-	-	-	-	-	-	48.260.580
- Công ty CP Vận tải Sản phẩm Khí Quốc tế	-	-	-	-	-	-	117.771.500
- Tổng Công ty CP Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	-	-	-	-	-	-	340.788.378
- Tổng Công ty khí Việt Nam - Công ty cổ phần	13.000	754.000.000	754.000.000	-	-	-	-
- Cổ phiếu niêm yết khác	4.318	44.090.710	53.192.466	6.284.908	15.386.664	1.621.287.269	379.123.570
		798.090.710	807.192.466	6.284.908	15.386.664	2.802.633.807	885.944.028

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ

Số 18 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm,
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

b) . Chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính

	Giá trị mua theo sổ kế toán	Giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý	Chênh lệch đánh giá tăng năm nay	Chênh lệch đánh giá giảm năm nay	Chênh lệch đánh giá lại năm trước	Chênh lệch điều chỉnh sổ kế toán năm nay
		VND	VND	VND	VND	VND
FVTPL	35.722.003.637	29.897.657.650	3.657.613.040	9.481.959.027	-	(5.824.345.987)
Cổ phiếu niêm yết	35.722.003.637	29.897.657.650	3.657.613.040	9.481.959.027	-	(5.824.345.987)
- PPY	10.280.480.051	13.930.402.700	3.649.922.649	-	-	3.649.922.649
- VAF	20.397.865.528	10.925.010.000	-	9.472.855.528	-	(9.472.855.528)
- PAI	5.018.100.000	5.018.100.000	-	-	-	-
- Cổ phiếu khác	25.558.058	24.144.950	7.690.391	9.103.499	-	(1.413.108)
	35.722.003.637	29.897.657.650	3.657.613.040	9.481.959.027	-	(5.824.345.987)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍSố 18 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm,
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

c) Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính FVTPL, các khoản cho vay, HTM, AFS

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Từ tài sản tài chính FVTPL	3.648.098.038	1.853.571.190
Từ các khoản cho vay	31.353.616.908	29.102.695.683
Từ tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	1.263.522.320	-
	36.265.237.266	30.956.266.873

d) Doanh thu ngoài thu nhập các tài sản tài chính

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Thu nhập hoạt động khác	4.530.794.711	5.966.853.135
<i>Trong đó:</i>		
- Doanh thu từ trả hộ gốc, lãi trái phiếu và cổ tức của tổ chức phát hành	427.214.407	-
- Doanh thu khác	4.103.580.304	5.966.853.135
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Thu nhập thuần hoạt động khác	4.530.794.711	5.966.853.135

26 . CHI PHÍ NGOÀI CHI PHÍ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ khác	5.567.260.677	11.471.192.213
- Chi phí dịch vụ tài chính khác	4.018.675.342	4.446.052.444
- Chi phí dự phòng phải thu khó đòi và xử lý tổn thất phải thu khó đòi về cung cấp dịch vụ chứng khoán	1.548.585.335	7.025.139.769
	5.567.260.677	11.471.192.213

27 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	31.915.295	5.420.778
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	31.915.295	5.420.778
Doanh thu lãi liên gửi không kỳ hạn	2.494.712.714	5.067.018.360
	2.526.628.009	5.072.439.138

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍSố 18 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm,
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

28 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái	39.715.028	6.412.818
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	39.660.001	6.412.818
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	55.027	-
	39.715.028	6.412.818

29 . CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí lương và các khoản theo lương	8.156.284.178	7.578.708.915
Kinh phí công đoàn, BHXH, BHYT, BHTN	1.185.421.145	727.241.001
Chi phí vật tư văn phòng	332.582.050	323.998.111
Chi phí công cụ, dụng cụ	170.334.374	130.334.258
Chi phí khấu hao TSCĐ, BĐSĐT	284.823.624	706.069.165
Chi phí thuế, phí và lệ phí	1.574.459.481	1.527.710.942
Chi phí dự phòng	180.036.045	2.363.361.152
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.191.089.910	9.759.267.345
Chi phí khác	7.150.290.278	5.224.636.126
	29.225.321.085	28.341.327.015

30 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	17.745.646.505	5.011.693.347
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	17.745.646.505	5.011.693.347
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	59.841.300	59.841.300
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	297	84

35
TY
HUI
TO
C
TP.V

C
TY
HAI
KH
KH
TP.V

31 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	51.287.862.886	-	97.045.292.907	-
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	29.897.657.650	-	30.728.161.393	(7.938.078.713)
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	210.089.956.244	-	227.608.056.244	(6.200.000.000)
Các khoản cho vay	278.868.791.097	-	213.332.950.999	-
Các khoản phải thu	62.746.268.413	(11.677.030.466)	67.252.194.341	(9.948.409.086)
	632.890.536.290	(11.677.030.466)	635.966.655.884	(24.086.487.799)
			31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán và phải trả khác			36.336.435.450	34.067.359.470
Chi phí phải trả			734.814.259	926.186.719
			37.071.249.709	34.993.546.189

Theo quy định tại Thông tư 210/2009/TT-BTC, Thông tư 146/2014/TT-BTC, và Thông tư 334/2016/TT-BTC, tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ

Số 18 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm,
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2017				
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	29.897.657.650	-	-	29.897.657.650
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	210.089.956.244	-	-	210.089.956.244
	<u>239.987.613.894</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>239.987.613.894</u>
Tại ngày 01/01/2017				
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	22.790.082.680	-	-	22.790.082.680
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	221.408.056.244	-	-	221.408.056.244
	<u>244.198.138.924</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>244.198.138.924</u>

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2017				
Tiền và các khoản tương đương tiền	51.287.862.886	-	-	51.287.862.886
Các khoản cho vay	278.868.791.097	-	-	278.868.791.097
Các khoản phải thu	51.069.237.947	-	-	51.069.237.947
	<u>381.225.891.930</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>381.225.891.930</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍSố 18 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm,
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2017				
Tiền và các khoản trương đương tiền	97.045.292.907	-	-	97.045.292.907
Các khoản cho vay	213.332.950.999	-	-	213.332.950.999
Các khoản phải thu	57.303.785.255	-	-	57.303.785.255
	367.682.029.161	-	-	367.682.029.161

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2017				
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán và phải trả khác	36.246.435.450	90.000.000	-	36.336.435.450
Chi phí phải trả	734.814.259	-	-	734.814.259
	36.981.249.709	90.000.000	-	37.071.249.709
Tại ngày 01/01/2017				
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán và phải trả khác	33.977.359.470	90.000.000	-	34.067.359.470
Chi phí phải trả	926.186.719	-	-	926.186.719
	34.903.546.189	90.000.000	-	34.993.546.189

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

33 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ

Số 18 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm,
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

34 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động môi giới, lưu ký chứng khoán	Hoạt động đầu tư tư doanh	Hoạt động tư vấn tài chính, bảo lãnh phát hành	Các hoạt động khác	Tổng cộng các bộ phận	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu hoạt động	34.136.914.982	8.578.796.991	10.090.822.045	35.884.411.619	88.690.945.637	88.690.945.637
Chi phí hoạt động	32.282.565.586	(3.495.975.233)	9.939.779.426	5.567.260.677	44.293.630.456	44.293.630.456
Doanh thu không phân bổ	-	-	-	-	2.526.628.009	2.526.628.009
Chi phí không phân bổ	-	-	-	-	29.265.036.113	29.265.036.113
Kết quả hoạt động	1.854.349.396	12.074.772.224	151.042.619	30.317.150.942	17.658.907.077	17.658.907.077
Tài sản bộ phận trực tiếp	10.355.784.012	240.270.273.494	3.717.544.434	289.262.199.847	543.605.801.787	543.605.801.787
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	103.629.331.910	103.629.331.910
Tổng tài sản	10.355.784.012	240.270.273.494	3.717.544.434	289.262.199.847	647.235.133.697	647.235.133.697
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	1.272.106.406	-	-	34.105.828.270	35.377.934.676	35.377.934.676
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	3.710.636.147	3.710.636.147
Tổng nợ phải trả	1.272.106.406	-	-	34.105.828.270	39.088.570.823	39.088.570.823

Theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam do vậy Công ty không thực hiện lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍSố 18 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm,
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017**35 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Doanh thu			
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Bên liên quan của cổ đông lớn	7.157.797.045	7.366.554.831

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:

	Mối quan hệ	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Tiền gửi			
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	Cổ đông lớn	26.396.726.934	86.118.544.841
Phải thu			
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Bên liên quan của cổ đông lớn	270.848.868	270.848.868

Ngoài các thông tin về các bên liên quan đã được trình bày ở trên, giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Thu nhập của Giám đốc	601.723.100	632.856.420
Thu nhập của Hội đồng Quản trị và những người quản lý khác	1.927.608.859	2.346.436.321

36 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được Công ty TNHH Deloitte Việt Nam kiểm toán.

Từ 01/01/2017, Luật Kế toán cho phép áp dụng nguyên tắc giá trị hợp lý nên Công ty áp dụng nguyên tắc giá trị hợp lý trong ghi nhận giá trị tài sản tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty không thực hiện điều chỉnh hồi tố các chỉ tiêu liên quan đến giá trị hợp lý trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2016.

Trần Thị Minh Hiền
Người lập**Đinh Thị Lan Phương**
Kế toán trưởng**PHÓ GIÁM ĐỐC**
Nguyễn Xuân Hương

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2018